

Số: **1881** /ĐLTKV-KTTC
V/v: công bố BCTC bán niên
đã được soát xét

Hà Nội, ngày 29 tháng 8 năm 2018

Kính gửi: Ủy ban chứng khoán Nhà nước
Sở Giao dịch chứng khoán Hà Nội

Tên Công ty: Tổng Công ty Điện lực TKV - CTCP

Trụ sở chính: Số 78 tòa nhà Sannam, ngõ 78 đường Duy Tân, phường Dịch Vọng Hậu, quận Cầu Giấy, TP Hà Nội.

Điện thoại: 04 35161605 Fax: 04 35161610

Người được ủy quyền công bố thông tin: ông Nguyễn Thế Hồng, Phó chánh Văn phòng, Thư ký HĐQT Tổng Công ty Điện lực TKV - CTCP (theo Văn bản ủy quyền số 762/UQ-ĐLTKV ngày 05/5/2016).

Địa chỉ: SN 66 ngõ 72 đường Nguyễn Trãi, phường Thượng Đình, quận Thanh Xuân, TP Hà Nội.

Điện thoại: 0912 217 216

Số CMTND: 012029799 Ngày cấp: 16/5/1997 Nơi cấp: CA Hà Nội.

Email: hongnt@vinacompower.vn

- Loại công bố thông tin: 24h 72h Yêu cầu Bất thường Định kỳ
- Nội dung thông tin công bố: Báo cáo tài chính bán niên đã được soát xét cho kỳ tài chính bắt đầu từ 01/01/2018 và kết thúc vào ngày 30/6/2018.

Chúng tôi xin cam kết các thông tin trên đây là đúng sự thật và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về nội dung đã đăng ký.

Tài liệu đính kèm:

- Bảng cân đối kế toán
- Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh
- Báo cáo lưu chuyển tiền tệ
- Thuyết minh báo cáo tài chính.

Trân trọng ./.

Nơi nhận:

- Như Kg;
- HĐQT, BKS TCTy (b/c);
- Các Phó TGD;
- Các ban: TC, KH, PCTT;
- VP (đăng Website TCT);
- Lưu VP, KTTC, H(12).



Ngô Tri Thịnh

TẬP ĐOÀN CÔNG NGHIỆP THAN - KHOÁNG SẢN VIỆT NAM
TỔNG CÔNG TY ĐIỆN LỰC TKV - CTCP

Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ đã được soát xét
cho kỳ tài chính bắt đầu từ ngày 01/01/2018
và kết thúc vào ngày 30/06/2018



MỤC LỤC

	Trang
1. Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc	2 - 6
2. Báo cáo soát xét thông tin tài chính hợp nhất giữa niên độ	7 - 8
3. Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ đã được soát xét	
- Bảng cân đối kế toán hợp nhất giữa niên độ	9 - 10
- Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ	11
- Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất giữa niên độ	12
- Bản Thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ	13 - 55



TẬP ĐOÀN CÔNG NGHIỆP THAN - KHOÁNG SẢN VIỆT NAM
TỔNG CÔNG TY ĐIỆN LỰC TKV - CTCP

Địa chỉ: Tòa nhà Sannam, đường Duy Tân, phường Dịch Vọng Hậu, Q. Cầu Giấy, TP. Hà Nội

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Kỳ tài chính bắt đầu từ ngày 01/01/2018 và kết thúc vào ngày 30/06/2018

Ban Tổng Giám đốc Tổng công ty Điện lực TKV - CTCP (dưới đây gọi tắt là "Tổng công ty") trình bày báo cáo này cùng với Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ tài chính bắt đầu từ ngày 01/01/2018 và kết thúc vào ngày 30/06/2018 của Tổng công ty Điện lực TKV - CTCP đã được soát xét bởi các kiểm toán viên độc lập.

1. Thông tin chung

Tổng công ty Điện lực TKV - CTCP được cổ phần hóa từ Tổng công ty Điện lực - Vinacomin (TNHH MTV) theo Quyết định số 85/QĐ-TTg ngày 19/01/2015 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt Phương án cổ phần hóa Công ty mẹ - Tổng công ty Điện lực - Vinacomin thuộc Tập đoàn Công nghiệp Than - Khoáng sản Việt Nam.

Tổng công ty Điện lực TKV - CTCP hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp công ty cổ phần đăng ký thay đổi lần 4 ngày 15/01/2016 với mã số doanh nghiệp là 0104297034, theo đó vốn điều lệ của Tổng công ty là 6.800.000.000 VND được chia thành 680.000.000 cổ phần (mệnh giá cổ phần là 10.000 đồng), danh sách cổ đông theo Điều lệ của Tổng công ty tại ngày 30/06/2018 như sau:

TT	Tên cổ đông	Số cổ phần theo điều lệ	Tỷ lệ
1	Tập đoàn Công nghiệp Than - Khoáng sản Việt Nam	677.808.500	99,68%
2	Cổ đông khác	2.191.500	0,32%
Cộng		680.000.000	100%

2. Hội đồng quản trị, Ban Tổng Giám đốc và Ban kiểm soát

Các thành viên của Hội đồng quản trị của Tổng công ty trong suốt kỳ tài chính và đến ngày lập báo cáo này bao gồm các vị như sau:

<u>Họ và tên:</u>	<u>Chức vụ:</u>
- Ông Nguyễn Trọng Hùng	Chủ tịch
- Ông Ngô Trí Thịnh	Ủy viên
- Ông Hoàng Phó Hiềng	Ủy viên
- Ông Nguyễn Đức Pha	Ủy viên
- Ông Phạm Xuân Phong	Ủy viên

44064
ÔNG T
NHIỆM T
PKI
T N
UÂN

TẬP ĐOÀN CÔNG NGHIỆP THAN - KHOÁNG SẢN VIỆT NAM
TỔNG CÔNG TY ĐIỆN LỰC TKV - CTCP

Địa chỉ: Tòa nhà Sannam, đường Duy Tân, phường Dịch Vọng Hậu, Q. Cầu Giấy, TP. Hà Nội

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (Tiếp theo)

Kỳ tài chính bắt đầu từ ngày 01/01/2018 và kết thúc vào ngày 30/06/2018

Các thành viên của Ban Tổng Giám đốc Tổng công ty đã điều hành hoạt động của Tổng công ty trong suốt kỳ tài chính và đến ngày lập báo cáo này bao gồm các vị như sau:

<u>Họ và tên:</u>	<u>Chức vụ:</u>
- Ông Ngô Trí Thịnh	Tổng Giám đốc
- Ông Nguyễn Văn Hải	Phó Tổng Giám đốc
- Ông Hoàng Phó Hiền	Phó Tổng Giám đốc
- Ông Bùi Minh Tân	Phó Tổng Giám đốc
- Ông Phạm Xuân Phong	Phó Tổng Giám đốc

Các thành viên của Ban kiểm soát của Tổng công ty trong suốt kỳ tài chính và đến ngày lập báo cáo này bao gồm các vị như sau:

<u>Họ và tên:</u>	<u>Chức vụ:</u>
- Ông Phạm Văn Thường	Trưởng ban kiểm soát
- Bà Bùi Tố Uyên	Thành viên ban kiểm soát
- Bà Bùi Thu Thái	Thành viên ban kiểm soát

3. Trụ sở

Tổng công ty Điện lực TKV - CTCP có trụ sở chính tại tòa nhà Sannam, đường Duy Tân, phường Dịch Vọng Hậu, quận Cầu Giấy, thành phố Hà Nội.

Trong kỳ tài chính bắt đầu từ ngày 01/01/2018 và kết thúc vào ngày 30/06/2018, Tổng công ty có các chi nhánh phụ thuộc và các công ty con sau:

Đơn vị trực thuộc

1. Công ty Nhiệt điện Cao Ngạn - TKV, địa chỉ tại ngõ 719, đường Dương Tự Minh, phường Quan Triều, thành phố Thái Nguyên, tỉnh Thái Nguyên;
2. Công ty Nhiệt điện Na Dương - TKV, địa chỉ tại khu 4, thị trấn Na Dương, huyện Lộc Bình, tỉnh Lạng Sơn;
3. Công ty Nhiệt điện Sơn Động - TKV, địa chỉ tại thôn Đồng Rì, thị trấn Thanh Sơn, huyện Sơn Động, tỉnh Bắc Giang;
4. Ban Quản lý Dự án Nhà máy Nhiệt điện Mạo Khê - Vinacomin, địa chỉ tại xã Bình Khê, thị xã Đông Triều, tỉnh Quảng Ninh;
5. Ban Quản lý Dự án Nhà máy Thủy điện Đồng Nai 5 - Vinacomin, địa chỉ tại thị trấn Lộc Thắng, huyện Bảo Lâm, tỉnh Lâm Đồng;
6. Công ty Nhiệt điện Đông Triều - TKV, địa chỉ tại xã Bình Khê, thị xã Đông Triều, tỉnh Quảng Ninh;

TẬP ĐOÀN CÔNG NGHIỆP THAN - KHOÁNG SẢN VIỆT NAM

TỔNG CÔNG TY ĐIỆN LỰC TKV - CTCP

Địa chỉ: Tòa nhà Sannam, đường Duy Tân, phường Dịch Vọng Hậu, Q. Cầu Giấy, TP. Hà Nội

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (Tiếp theo)

Kỳ tài chính bắt đầu từ ngày 01/01/2018 và kết thúc vào ngày 30/06/2018

7. Công ty Thủy điện Đồng Nai 5 - TKV, địa chỉ tại số 10 đường Hoàng Văn Thụ, phường 1, thành phố Bảo Lộc, tỉnh Lâm Đồng.

Công ty con

1. Công ty Cổ phần Nhiệt điện Cẩm Phả - TKV, địa chỉ tại phường Cẩm Thịnh, thành phố Cẩm Phả, tỉnh Quảng Ninh.
2. Công ty Cổ phần Than - Điện Nông Sơn - TKV, địa chỉ tại Thôn Nông Sơn, xã Quế Trung, huyện Nông Sơn, tỉnh Quảng Nam.

Tỷ lệ góp vốn vào các công ty con

Tên công ty	Vốn góp của Tổng công ty	Tỷ lệ góp vốn thực tế tại ngày 30/06/2017	Tỷ lệ quyền biểu quyết
<i>Công ty Cổ phần Nhiệt điện Cẩm Phả - TKV</i>	<i>1.757.179.069.334</i>	<i>89,21%</i>	<i>89,21%</i>
<i>Công ty Cổ phần Than - Điện Nông Sơn - TKV</i>	<i>124.279.500.000</i>	<i>88,77%</i>	<i>88,77%</i>

4. Tình hình tài chính và kết quả hoạt động kinh doanh

Chi tiết tình hình tài chính hợp nhất vào ngày 30/06/2018 và kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất cho kỳ tài chính kết thúc cùng ngày của Tổng công ty được trình bày trong Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ đã được soát xét đính kèm.

5. Các khoản bất thường và sự kiện quan trọng phát sinh sau niên độ

Đến thời điểm lập báo cáo này, Công ty mẹ - Tổng công ty Điện lực TKV - CTCP chưa có quyết định công bố giá trị thực tế phần vốn nhà nước tại thời điểm doanh nghiệp cổ phần hóa chính thức chuyển thành công ty cổ phần.

Ngoài ra, Ban Tổng Giám đốc Tổng công ty cho rằng không có sự kiện nào có thể làm cho các số liệu và thông tin đã được trình bày trong Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ đã được soát xét của Tổng công ty bị phản ánh sai lệch.

6. Công ty kiểm toán

Công ty TNHH PKF Việt Nam đã được chỉ định là kiểm toán viên thực hiện soát xét Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ tài chính bắt đầu từ ngày 01/01/2018 và kết thúc vào ngày 30/06/2018 của Tổng công ty.

7. Công bố trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Tổng công ty chịu trách nhiệm lập Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ và đảm bảo Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ đã phản ánh trung thực và hợp lý về tình hình tài chính hợp nhất vào ngày 30/06/2018 cũng như kết quả hoạt động



TẬP ĐOÀN CÔNG NGHIỆP THAN - KHOÁNG SẢN VIỆT NAM
TỔNG CÔNG TY ĐIỆN LỰC TKV - CTCP

Địa chỉ: Tòa nhà Sannam, đường Duy Tân, phường Dịch Vọng Hậu, Q. Cầu Giấy, TP. Hà Nội

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (Tiếp theo)

Kỳ tài chính bắt đầu từ ngày 01/01/2018 và kết thúc vào ngày 30/06/2018

kinh doanh hợp nhất giữa niên độ và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất giữa niên độ cho kỳ tài chính kết thúc cùng ngày của Tổng công ty. Để lập Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ này, Ban Tổng Giám đốc Tổng công ty được yêu cầu:

- Xây dựng và duy trì kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc và Hội đồng quản trị Tổng công ty xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất không còn sai sót trọng yếu do gian lận hoặc do nhầm lẫn;
- Lựa chọn phù hợp và áp dụng nhất quán các chính sách kế toán;
- Thực hiện các xét đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các chuẩn mực kế toán được áp dụng có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu đến mức cần phải công bố và giải thích trong Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ hay không;
- Lập và trình bày các Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ trên cơ sở tuân thủ các chuẩn mực kế toán Việt Nam, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ;
- Lập Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ trên cơ sở hoạt động liên tục trừ khi giả thuyết Tổng công ty sẽ tiếp tục hoạt động không còn phù hợp.

Ban Tổng Giám đốc Tổng công ty cam kết rằng đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ và nhận thấy không có vấn đề bất thường xảy ra có thể ảnh hưởng đến khả năng hoạt động liên tục của doanh nghiệp.

Ban Tổng Giám đốc Tổng công ty chịu trách nhiệm đảm bảo sổ kế toán được ghi chép đầy đủ, phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Tổng công ty và đảm bảo Báo cáo tài chính hợp nhất của Tổng công ty được lập phù hợp với các chuẩn mực kế toán Việt Nam, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ.

Ban Tổng Giám đốc Tổng công ty cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho các tài sản và đã thực hiện các biện pháp phù hợp để ngăn ngừa và phát hiện sai sót và các trường hợp vi phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc Tổng công ty xác nhận rằng Tổng công ty đã lập Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ tài chính bắt đầu từ ngày 01/01/2018 kết thúc vào ngày 30/06/2018 theo đúng các yêu cầu trên.

Ngoài ra, Ban Tổng Giám đốc cam kết rằng Tổng công ty không vi phạm nghĩa vụ công bố thông tin theo quy định tại Thông tư số 155/2015/TT-BTC ngày 06/10/2015 của Bộ Tài chính hướng dẫn về việc công bố thông tin trên Thị trường chứng khoán.

33134
CƠ
ÁCH NH
P
VIỆ
TH XU

TẬP ĐOÀN CÔNG NGHIỆP THAN - KHOÁNG SẢN VIỆT NAM
TỔNG CÔNG TY ĐIỆN LỰC TKV - CTCP

Địa chỉ: Tòa nhà Sannam, đường Duy Tân, phường Dịch Vọng Hậu, Q. Cầu Giấy, TP. Hà Nội

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (Tiếp theo)

Kỳ tài chính bắt đầu từ ngày 01/01/2018 và kết thúc vào ngày 30/06/2018

8. Ý kiến của Ban Tổng Giám đốc

Theo ý kiến của Ban Tổng Giám đốc Tổng công ty, Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ của Tổng công ty đã được soát xét (đính kèm) đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính hợp nhất tại ngày 30/06/2018, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất trong kỳ tài chính kết thúc cùng ngày của Tổng công ty và được lập phù hợp với các chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ.

Hà Nội, ngày 27 tháng 08 năm 2018

THAY MẶT BAN TỔNG GIÁM ĐỐC
TỔNG GIÁM ĐỐC



The stamp is circular with a red border. Inside the border, the text reads: "M.S.D.N. 010927034 - C.T.C.P." at the top, "TỔNG CÔNG TY ĐIỆN LỰC TKV" in the center, and "Đ. CẦU GIẤY - T. PHẠNG" at the bottom. A blue ink signature is written over the stamp.

Ngô Trí Thịnh

964
Q T
EM H
K E
T N A
AN

Số: 51/2018/BCSX-PKF.VPC

Hà Nội, ngày 27 tháng 08 năm 2018

BÁO CÁO SOÁT XÉT THÔNG TIN TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

Kính gửi: Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc
Tổng công ty Điện lực TKV - CTCP

Chúng tôi đã soát xét Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ tài chính bắt đầu từ ngày 01/01/2018 và kết thúc vào ngày 30/06/2018 của Tổng công ty Điện lực TKV - CTCP được lập ngày 27/08/2018 bao gồm: Bảng cân đối kế toán hợp nhất giữa niên độ tại ngày 30/06/2018, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất giữa niên độ và Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ tài chính bắt đầu từ ngày 01/01/2018 và kết thúc vào ngày 30/06/2018 được trình bày từ trang 09 đến trang 55 kèm theo.

Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ đã được soát xét này không nhằm phản ánh tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận chung tại các nước khác ngoài Việt Nam.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Tổng công ty Điện lực TKV - CTCP chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ của Tổng công ty Điện lực TKV - CTCP theo các chuẩn mực kế toán Việt Nam, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra kết luận về Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ dựa trên kết quả soát xét của chúng tôi. Chúng tôi đã thực hiện công việc soát xét theo Chuẩn mực Việt Nam về hợp đồng dịch vụ soát xét số 2410 - Soát xét thông tin tài chính giữa niên độ do kiểm toán viên độc lập của đơn vị thực hiện.

Công việc soát xét thông tin tài chính giữa niên độ bao gồm thực hiện các cuộc phỏng vấn, chủ yếu là phỏng vấn những người chịu trách nhiệm về các vấn đề tài chính kế toán, và thực hiện thủ tục phân tích và các thủ tục soát xét khác. Một cuộc soát xét về cơ bản có phạm vi hẹp hơn một cuộc kiểm toán được thực hiện theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam và do vậy không cho phép chúng tôi đạt được sự bảo đảm rằng chúng tôi sẽ nhận biết được tất cả các vấn đề trọng yếu có thể được phát hiện trong một cuộc kiểm toán. Theo đó, chúng tôi không đưa ra ý kiến kiểm toán.

Kết luận của kiểm toán viên

Căn cứ trên kết quả soát xét của chúng tôi, chúng tôi không thấy có vấn đề gì khiến chúng tôi cho rằng Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ đính kèm không phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Tổng công ty Điện lực TKV - CTCP tại ngày 30/06/2018, và kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của đơn vị cho kỳ tài chính bắt đầu từ ngày 01/01/2018 và kết thúc vào ngày 30/06/2018, được lập phù hợp với các chuẩn mực kế toán doanh nghiệp Việt Nam, chế độ kế toán Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ.

Đại diện cho Công ty TNHH PKF Việt Nam



Nguyễn Hoàng Hà

Phó Tổng giám đốc

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề

kiểm toán số: 0740-2018-242-1



TẬP ĐOÀN CÔNG NGHIỆP THAN - KHOÁNG SẢN VIỆT NAM**TỔNG CÔNG TY ĐIỆN LỰC TKV - CTCP**

Địa chỉ: Tòa nhà Sannam, đường Duy Tân, phường Dịch Vọng Hậu, Q. Cầu Giấy, TP. Hà Nội

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

Ngày 30 tháng 06 năm 2018

Đơn vị: VND

TÀI SẢN	Mã số	TM	30/06/2018	01/01/2018
TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		3.262.116.219.274	2.714.421.477.382
Tiền và các khoản tương đương tiền	110		362.062.872.092	103.747.498.151
Tiền	111	5.1	297.062.872.092	53.747.498.151
Các khoản tương đương tiền	112		65.000.000.000	50.000.000.000
Các khoản phải thu ngắn hạn	130		2.619.769.178.615	2.385.940.817.683
Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	5.3	2.588.983.989.696	2.277.995.125.129
Trả trước cho người bán	132		10.967.006.294	87.144.290.497
Phải thu ngắn hạn khác	136	5.4	25.127.193.148	26.105.436.708
Dự phòng các khoản phải thu ngắn hạn khó đòi (*)	137	5.5	(5.537.914.899)	(5.538.720.651)
Tài sản thiếu chờ xử lý	139		228.904.376	234.686.000
Hàng tồn kho	140	5.6	153.311.312.398	122.640.280.310
Hàng tồn kho	141		153.633.136.346	122.962.104.258
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho (*)	149		(321.823.948)	(321.823.948)
Tài sản ngắn hạn khác	150		126.972.856.169	102.092.881.238
Chi phí trả trước ngắn hạn	151	5.10	7.388.608.178	2.719.501.260
Thuế GTGT được khấu trừ	152		118.434.282.674	82.167.464.833
Thuế và các khoản phải thu Nhà nước	153	5.13	1.149.965.317	17.205.915.145
TÀI SẢN DÀI HẠN	200		21.477.582.707.502	22.356.084.336.344
Các khoản phải thu dài hạn	210		8.361.053.378	7.654.741.378
Phải thu nội bộ dài hạn	214		-	-
Phải thu về cho vay dài hạn	215		-	-
Phải thu dài hạn khác	216	5.4	8.361.053.378	7.654.741.378
Tài sản cố định	220		18.905.420.962.159	19.850.458.806.757
TSCĐ hữu hình	221	5.8	18.878.272.834.408	19.822.394.361.115
- Nguyên giá	222		33.177.691.638.111	33.151.726.675.507
- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	223		(14.299.418.803.703)	(13.329.332.314.392)
TSCĐ vô hình	227	5.9	27.148.127.751	28.064.445.642
- Nguyên giá	228		32.937.412.758	32.944.149.758
- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	229		(5.789.285.007)	(4.879.704.116)
Tài sản dở dang dài hạn	240	5.7	82.928.794.806	83.973.363.731
Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang dài hạn	241		817.383.784	1.055.479.022
Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242		82.111.411.022	82.917.884.709
Đầu tư tài chính dài hạn	250	5.2	1.156.056.281.399	1.010.113.524.479
Đầu tư vào công ty con	251		-	-
Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253		1.156.056.281.399	1.096.124.960.279
Dự phòng giảm giá đầu tư chứng khoán dài hạn (*)	254		-	(86.011.435.800)
Tài sản dài hạn khác	260		1.324.815.615.760	1.403.883.899.999
Chi phí trả trước dài hạn	261	5.10	1.137.240.496.255	1.213.800.961.781
Thiết bị, vật tư, phụ tùng thay thế dài hạn	263		187.575.119.505	190.082.938.218
Lợi thế thương mại	269		-	-
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		24.739.698.926.776	25.070.505.813.726

3440
CÔNG
H NHIỆ
P
VIỆT
XUÂN

TẬP ĐOÀN CÔNG NGHIỆP THAN - KHOÁNG SẢN VIỆT NAM

TỔNG CÔNG TY ĐIỆN LỰC TKV - CTCP

Địa chỉ: Tòa nhà Sannam, đường Duy Tân, phường Dịch Vọng Hậu, Q. Cầu Giấy, TP. Hà Nội

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (Tiếp theo)

Ngày 30 tháng 06 năm 2018

Đơn vị: VND

NGUỒN VỐN	Mã số	TM	30/06/2018	01/01/2018
NỢ PHẢI TRẢ	300		17.495.758.888.263	17.875.844.739.193
Nợ ngắn hạn	310		6.727.758.186.631	5.712.415.826.681
Phải trả người bán ngắn hạn	311	5.11	2.317.428.726.757	1.891.589.783.679
Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312		68.705.020	80.169.455
Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	5.13	52.142.152.753	39.509.528.569
Phải trả người lao động	314		45.951.561.576	91.653.676.879
Chi phí phải trả ngắn hạn	315	5.14	585.667.519.607	483.411.066.554
Phải trả nội bộ ngắn hạn	316		4.536.678.343	4.885.428.343
Phải trả ngắn hạn khác	319	5.15	404.245.191.780	20.841.583.099
Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	5.12	3.272.808.056.924	3.152.519.302.067
Dự phòng phải trả ngắn hạn	321		5.650.826.715	-
Quỹ khen thưởng và phúc lợi	322		39.258.767.156	27.925.288.036
Nợ dài hạn	330		10.768.000.701.632	12.163.428.912.512
Phải trả người bán dài hạn	331	5.11	395.419.285.868	625.431.237.752
Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338	5.12	10.334.105.272.883	11.508.498.888.780
Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	341		38.476.142.881	29.498.785.980
VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		7.243.940.038.513	7.194.661.074.533
Vốn chủ sở hữu	410	5.16	7.238.503.485.066	7.188.730.288.954
Vốn góp của chủ sở hữu	411		6.800.000.000.000	6.800.000.000.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		6.800.000.000.000	6.800.000.000.000
Thặng dư vốn cổ phần	412		16.641.257	16.641.257
Chênh lệch đánh giá lại tài sản	416		(1.848.203.592)	(1.848.203.592)
Quỹ đầu tư phát triển	418		20.278.070.151	17.008.644.504
Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		290.125.071.923	222.694.256.477
- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước	421a		-	(451.405.772.195)
- LNST chưa phân phối kỳ này	421b		290.125.071.923	674.100.028.672
Lợi ích cổ đông không kiểm soát	429		129.931.905.327	150.858.950.308
Nguồn kinh phí và quỹ khác	430		5.436.553.447	5.930.785.579
Nguồn kinh phí hình thành TSCĐ	432		5.436.553.447	5.930.785.579
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		24.739.698.926.776	25.070.505.813.726

Hà Nội, ngày 27 tháng 08 năm 2018

NGƯỜI LẬP BIỂU

KẾ TOÁN TRƯỞNG

TỔNG GIÁM ĐỐC





Lưu Thị Thu Hà

Nguyễn Thị Hà

Ngô Trí Thịnh

TẬP ĐOÀN CÔNG NGHIỆP THAN - KHOÁNG SẢN VIỆT NAM
TỔNG CÔNG TY ĐIỆN LỰC TKV - CTCP

Địa chỉ: Tòa nhà Sannam, đường Duy Tân, phường Dịch Vọng Hậu, Q. Cầu Giấy, TP. Hà Nội

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

Kỳ tài chính bắt đầu từ ngày 01/01/2018 và kết thúc vào ngày 30/06/2018

Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	TM	Từ 01/01/2018 đến 30/6/2018	Từ 01/01/2017 đến 30/6/2017
Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	6.1	5.819.683.992.606	5.563.955.511.647
Các khoản giảm trừ doanh thu	02		-	-
Doanh thu thuần từ bán hàng hoá và cung cấp dịch vụ	10	6.2	5.819.683.992.606	5.563.955.511.647
Giá vốn hàng bán	11	6.3	4.943.104.891.234	4.667.652.586.245
Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		876.579.101.372	896.302.925.402
Doanh thu hoạt động tài chính	21	6.4	15.676.075.831	36.569.642.021
Chi phí tài chính	22	6.5	501.231.235.010	568.600.297.791
- Trong đó: Chi phí lãi vay	23		381.186.244.339	443.884.278.680
Chi phí bán hàng	25	6.8	1.072.872.327	1.152.171.051
Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	6.8	99.087.432.193	106.384.104.969
Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		290.863.637.673	256.735.993.612
Thu nhập khác	31	6.6	308.137.201	463.090.310
Chi phí khác	32	6.7	647.798.514	2.678.559.474
Lợi nhuận khác (40=31-32)	40		(339.661.313)	(2.215.469.164)
Phần lãi lỗ trong công ty liên doanh, liên kết	45		-	-
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		290.523.976.360	254.520.524.448
Chi phí thuế TNDN hiện hành	51		12.348.592.517	-
Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52		8.977.356.901	2.340.186.619
Lợi nhuận sau thuế TNDN (60=50-51-52)	60		269.198.026.942	252.180.337.829
Lợi ích sau thuế của cổ đông của công ty mẹ	61		290.125.071.923	257.784.649.490
Lợi ích của cổ đông không kiểm soát	62		(20.927.044.981)	(5.604.311.661)
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	6.10	427	379

Hà Nội, ngày 27 tháng 08 năm 2018

NGƯỜI LẬP BIỂU

KẾ TOÁN TRƯỞNG

TỔNG GIÁM ĐỐC





Lưu Thị Thu Hà

Nguyễn Thị Hà

Ngô Trí Thịnh

TẬP ĐOÀN CÔNG NGHIỆP THAN - KHOÁNG SẢN VIỆT NAM

TỔNG CÔNG TY ĐIỆN LỰC TKV - CTCP

Địa chỉ: Tòa nhà Sannam, đường Duy Tân, phường Dịch Vọng Hậu, Q. Cầu Giấy, TP. Hà Nội

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (theo phương pháp gián tiếp)

Kỳ tài chính bắt đầu từ ngày 01/01/2018 và kết thúc vào ngày 30/06/2018

Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Từ 01/01/2018 đến 30/6/2018	Từ 01/01/2017 đến 30/6/2017
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG SXKD			
Lợi nhuận trước thuế	01	290.523.976.360	254.520.524.448
Điều chỉnh cho các khoản			
Khấu hao TSCĐ và BĐSĐT	02	969.630.437.768	956.972.882.731
Các khoản dự phòng	03	(86.016.523.520)	(8.305.753.516)
Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	04	124.531.181.238	125.112.435.631
Lãi lỗ từ hoạt động đầu tư	05	(15.640.228.502)	(16.590.532.481)
Chi phí lãi vay	06	381.186.244.339	443.884.278.680
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08	1.664.215.087.683	1.755.593.835.493
(Tăng)/Giảm các khoản phải thu	09	(41.806.652.827)	(742.264.593.478)
(Tăng)/Giảm hàng tồn kho	10	(28.163.213.375)	(17.620.430.313)
Tăng/(Giảm) các khoản phải trả (Không kể lãi vay phải trả và thuế TNDN phải nộp)	11	(103.449.920.842)	527.128.617.437
(Tăng)/Giảm chi phí trả trước	12	71.891.358.608	129.992.028.726
Tiền lãi vay đã trả	14	(239.102.992.478)	(309.366.717.478)
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15	(413.904.592)	-
Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	16	2.465.330.830	207.318.181
Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	17	(13.029.631.883)	(7.829.596.019)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20	1.312.605.461.124	1.335.840.462.549
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ			
Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và TS DH khác	21	(25.938.708.522)	(50.346.091.701)
Tiền thu hồi cho vay, bán công cụ nợ của đơn vị khác	24		
Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25	(59.931.321.120)	(63.401.832.000)
Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	(12.804.601.699)	16.590.487.220
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30	(98.674.631.341)	(97.157.436.481)
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH			
Tiền thu từ đi vay	33	1.184.886.394.945	950.005.209.098
Tiền trả nợ gốc vay	34	(2.140.170.698.341)	(2.353.438.508.546)
Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36	(331.278.000)	-
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40	(955.615.581.396)	(1.403.433.299.448)
LƯU CHUYỂN TIỀN THUẦN TRONG KỲ	50	258.315.248.387	(164.750.273.380)
Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	60	103.747.498.151	350.352.719.847
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61	125.554	(45.260)
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ	70	362.062.872.092	185.602.401.207

11031
 C
 TRÁCH
 V
 ANH

Hà Nội, ngày 27 tháng 08 năm 2018

NGƯỜI LẬP BIỂU

KẾ TOÁN TRƯỞNG

TỔNG GIÁM ĐỐC





Lưu Thị Thu Hà

Nguyễn Thị Hà

Ngô Trí Thịnh

TẬP ĐOÀN CÔNG NGHIỆP THAN - KHOÁNG SẢN VIỆT NAM
TỔNG CÔNG TY ĐIỆN LỰC TKV - CTCP

Địa chỉ: Tòa nhà Sannam, đường Duy Tân, phường Dịch Vọng Hậu, Q. Cầu Giấy, TP. Hà Nội

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ
Kỳ tài chính bắt đầu từ ngày 01/01/2018 và kết thúc vào ngày 30/06/2018

1 ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP

Hình thức sở hữu vốn

Tổng công ty Điện lực TKV - CTCP được cổ phần hóa từ Tổng công ty Điện lực - Vinacomin (TNHH MTV) theo Quyết định số 85/QĐ-Ttg ngày 19/01/2015 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt Phương án cổ phần hóa Công ty mẹ - Tổng công ty Điện lực - Vinacomin thuộc Tập đoàn Công nghiệp Than - Khoáng sản Việt Nam.

Tổng công ty Điện lực TKV - CTCP hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp công ty cổ phần đăng ký thay đổi lần 4 ngày 15/01/2016 với mã số doanh nghiệp là 0104297034, theo đó vốn điều lệ của Tổng công ty là 6.800.000.000.000 VND được chia thành 680.000.000 cổ phần (mệnh giá cổ phần là 10.000 đồng), danh sách cổ đông theo Điều lệ của Tổng công ty tại ngày 30/06/2018 như sau:

TT	Tên cổ đông	Số cổ phần theo điều lệ	Tỷ lệ
1	Tập đoàn Công nghiệp Than - Khoáng sản Việt Nam	677.808.500	99,68%
2	Cổ đông khác	2.191.500	0,32%
Cộng		680.000.000	100%

Ngành nghề kinh doanh và hoạt động chính

Hoạt động chính của Tổng công ty là Đầu tư xây dựng, khai thác, vận hành các nhà máy nhiệt điện, các nhà máy thủy điện; Sản xuất điện; Mua bán điện; Quản lý các dự án đầu tư xây dựng công trình điện.

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường của Tổng công ty được thực hiện trong thời gian không quá 12 tháng.

Cấu trúc doanh nghiệp

Tổng công ty Điện lực TKV - CTCP có trụ sở tại tòa nhà Sannam, đường Duy Tân, phường Dịch Vọng Hậu, quận Cầu Giấy, thành phố Hà Nội.

Trong kỳ tài chính bắt đầu từ ngày 01/01/2018 và kết thúc vào ngày 30/06/2018, Tổng công ty có các chi nhánh phụ thuộc và các công ty con sau:

Đơn vị trực thuộc

- Công ty Nhiệt điện Cao Ngạn - TKV, địa chỉ tại ngõ 719, đường Dương Tự Minh, phường Quan Triều, thành phố Thái Nguyên, tỉnh Thái Nguyên;
- Công ty Nhiệt điện Na Dương - TKV, địa chỉ tại khu 4, thị trấn Na Dương, huyện Lộc Bình, tỉnh Lạng Sơn;

TẬP ĐOÀN CÔNG NGHIỆP THAN - KHOÁNG SẢN VIỆT NAM**TỔNG CÔNG TY ĐIỆN LỰC TKV - CTCP**

Địa chỉ: Tòa nhà Sannam, đường Duy Tân, phường Dịch Vọng Hậu, Q. Cầu Giấy, TP. Hà Nội

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)

Kỳ tài chính bắt đầu từ ngày 01/01/2018 và kết thúc vào ngày 30/06/2018

3. Công ty Nhiệt điện Sơn Động - TKV, địa chỉ tại thôn Đồng Rì, thị trấn Thanh Sơn, huyện Sơn Động, tỉnh Bắc Giang;
4. Ban Quản lý Dự án Nhà máy Nhiệt điện Mạo Khê - Vinacomin, địa chỉ tại xã Bình Khê, thị xã Đông Triều, tỉnh Quảng Ninh;
5. Ban Quản lý Dự án Nhà máy Thủy điện Đồng Nai 5 - Vinacomin, địa chỉ tại thị trấn Lộc Thắng, huyện Bảo Lâm, tỉnh Lâm Đồng;
6. Công ty Nhiệt điện Đông Triều - TKV, địa chỉ tại xã Bình Khê, thị xã Đông Triều, tỉnh Quảng Ninh;
7. Công ty Thủy điện Đồng Nai 5 - TKV, địa chỉ tại số 10 đường Hoàng Văn Thụ, phường 1, thành phố Bảo Lộc, tỉnh Lâm Đồng.

Công ty con

3. Công ty Cổ phần Nhiệt điện Cẩm Phả - TKV, địa chỉ tại phường Cẩm Thịnh, thành phố Cẩm Phả, tỉnh Quảng Ninh.
4. Công ty Cổ phần Than - Điện Nông Sơn - TKV, địa chỉ tại Thôn Nông Sơn, xã Quế Trung, huyện Nông Sơn, tỉnh Quảng Nam.

Tỷ lệ góp vốn vào các công ty con

Tên công ty	Vốn góp của Tổng công ty	Tỷ lệ góp vốn thực tế tại ngày 30/06/2017	Tỷ lệ quyền biểu quyết
Công ty Cổ phần Nhiệt điện Cẩm Phả - TKV	1.757.179.069.334	89,21%	89,21%
Công ty Cổ phần Than - Điện Nông Sơn - TKV	124.279.500.000	88,77%	88,77%

2 CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH**Chuẩn mực và chế độ kế toán áp dụng**

Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ được lập phù hợp với các chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp được ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính và Thông tư số 53/2016/TT-BTC ngày 21/3/2016 của Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 Hướng dẫn chế độ kế toán doanh nghiệp; và Thông tư số 202/2014/TT-BTC về việc hướng dẫn phương pháp lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất để lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ.

340-
TY
THU
F
NAI
V-

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)

Kỳ tài chính bắt đầu từ ngày 01/01/2018 và kết thúc vào ngày 30/06/2018

3 NĂM TÀI CHÍNH, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

Năm tài chính của Tổng công ty bắt đầu từ ngày 01/01 và kết thúc vào ngày 31/12 năm dương lịch.

Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ này được lập cho kỳ tài chính bắt đầu từ ngày 01/01/2018 và kết thúc vào ngày 30/06/2018.

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán là đồng Việt Nam (VND).

4 TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN QUAN TRỌNG

Các chính sách kế toán đã được áp dụng trong việc trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ này là nhất quán với các chính sách kế toán đã được áp dụng để trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31/12/2017 của Tổng công ty.

4.1 Ước tính kế toán

Việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất cho kỳ tài chính bắt đầu từ ngày 01/01/2018 và kết thúc vào ngày 30/06/2018 của Tổng công ty tuân thủ theo các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành, yêu cầu Ban Tổng Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày kết thúc kỳ tài chính cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt kỳ tài chính. Kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất thực tế có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

4.2 Cơ sở lập Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ

Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ được lập trên cơ sở hợp nhất Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ tài chính bắt đầu từ ngày 01/01/2018 và kết thúc vào ngày 30/06/2018 của Công ty mẹ - Tổng công ty Điện lực TKV - CTCP và các báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ tài chính bắt đầu từ ngày 01/01/2018 và kết thúc vào ngày 30/06/2018 của các công ty con do Công ty mẹ kiểm soát. Việc kiểm soát này đạt được khi Tổng công ty có khả năng kiểm soát các chính sách tài chính và hoạt động của các công ty nhận đầu tư nhằm thu được lợi ích từ hoạt động của các Công ty này.

Kết quả hoạt động kinh doanh của công ty con phải được đưa vào Báo cáo tài chính hợp nhất kể từ ngày công ty mẹ nắm quyền kiểm soát công ty con và chấm dứt vào ngày công ty mẹ thực sự chấm dứt quyền kiểm soát công ty con. Khoản đầu tư vào doanh nghiệp phải hạch toán theo Chuẩn mực kế toán "Công cụ tài chính" kể từ khi doanh nghiệp đó không còn là công ty con và cũng không trở thành công ty liên doanh, liên kết.

Tất cả các nghiệp vụ và số dư chủ yếu giữa Công ty mẹ, các công ty con trong cùng Tổng công ty được loại trừ khi hợp nhất báo cáo tài chính.

Lợi ích cổ đông không kiểm soát được trình bày trong Bảng cân đối kế toán hợp nhất giữa niên độ thành một chỉ tiêu riêng thuộc phần vốn chủ sở hữu của Tổng công ty. Phần sở hữu của cổ đông không kiểm soát trong Báo cáo kết quả kinh doanh hợp nhất giữa niên độ

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)

Kỳ tài chính bắt đầu từ ngày 01/01/2018 và kết thúc vào ngày 30/06/2018

của Tổng công ty cũng phải được trình bày thành chỉ tiêu riêng biệt trong Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ. Lợi ích của cổ đông không kiểm soát trong giá trị tài sản thuần của các công ty con hợp nhất bao gồm: Lợi ích cổ đông không kiểm soát tại ngày mua được xác định theo giá trị hợp lý tài sản thuần của công ty con tại ngày mua, lợi ích cổ đông không kiểm soát trong sự biến động của tổng vốn chủ sở hữu kể từ ngày mua đến đầu kỳ báo cáo và lợi ích cổ đông không kiểm soát trong sự biến động của tổng vốn chủ sở hữu phát sinh trong kỳ báo cáo. Các khoản lỗ phát sinh tại công ty con phải được phân bổ tương ứng với phần sở hữu của cổ đông không kiểm soát, kể cả trường hợp số lỗ đó lớn hơn phần sở hữu của cổ đông không kiểm soát trong tài sản thuần của công ty con.

Lợi thế thương mại trên Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ là phần phụ trội giữa mức giá phí hợp nhất kinh doanh so với phần lợi ích của Tổng công ty trong tổng giá trị hợp lý của tài sản, công nợ và công nợ tiềm tàng của công ty con tại ngày thực hiện nghiệp vụ đầu tư.

4.3 Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, các khoản tiền gửi ngân hàng (không kỳ hạn).

Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi hoặc đáo hạn không quá 3 tháng có khả năng chuyển đổi thành một lượng tiền xác định và không có rủi ro trong chuyển đổi thành tiền kể từ ngày mua khoản đầu tư đó tại thời điểm báo cáo.

4.4 Các giao dịch ngoại tệ

Các nghiệp vụ phát sinh bằng đồng tiền khác ngoài đồng Việt Nam (VND) được chuyển đổi thành đồng Việt Nam theo tỷ giá thực tế tại thời điểm phát sinh nghiệp vụ.

Số dư các tài sản bằng tiền, tương đương tiền và công nợ có gốc là ngoại tệ vào ngày kết thúc kỳ tài chính được quy đổi sang đồng Việt Nam theo tỷ giá giao dịch của các ngân hàng thương mại có tài khoản giao dịch tại ngày kết thúc kỳ tài chính. Tỷ giá áp dụng đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ cuối kỳ áp dụng thống nhất trong Tập đoàn được thực hiện theo Công văn số 3521/TKV - KTTC ngày 04/07/2018 của Tập đoàn, cụ thể như sau:

- Các khoản tiền gửi, tiền tồn quỹ và các khoản phải thu ngoài TKV có gốc ngoại tệ quy đổi theo tỷ giá mua vào của Ngân hàng là 22.920 VND/USD.
- Các khoản công nợ phải trả, tiền vay ngoài TKV có gốc ngoại tệ quy đổi theo tỷ giá bán ra của Ngân hàng là 22.990 VND/USD.
- Các khoản công nợ phải thu, phải trả trong TKV có gốc ngoại tệ quy đổi theo tỷ giá bán ra của Ngân hàng là 22.990 VND/USD.
- Các loại ngoại tệ khác (nếu có) được căn cứ vào thông báo của Ngân hàng hoặc quy đổi qua đồng đô la Mỹ theo nguyên tắc như hướng dẫn nêu trên.

Theo hướng dẫn tại Văn bản số 7240/VPCP-KTTH ngày 12/7/2017 của Văn phòng Chính phủ về việc xử lý chênh lệch tỷ giá của Công ty cổ phần Nhiệt điện Cẩm Phả thì "Khoản lỗ

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)

Kỳ tài chính bắt đầu từ ngày 01/01/2018 và kết thúc vào ngày 30/06/2018

chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ lũy kế đến hết ngày 31 tháng 12 năm 2016 của Công ty cổ phần Nhiệt điện Cẩm Phả được phân bổ vào chi phí ít nhất bằng chênh lệch tỷ giá của khoản nợ đến hạn trả, số còn lại được theo dõi và phân bổ không quá 5 năm”.

Khoản chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại thời điểm chính thức chuyển thành công ty cổ phần của Công ty mẹ - Tổng công ty Điện lực - TKV được phân bổ không quá 5 năm (bắt đầu từ thời điểm 15/01/2016) theo hướng dẫn tại Công văn số 558/BTC-TCDN ngày 13/01/2017 của Bộ Tài chính.

Khoản chênh lệch tỷ giá phát sinh do đánh giá lại các số dư của các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ khác tại ngày kết thúc kỳ tài chính được ghi nhận vào chi phí hoặc doanh thu hoạt động tài chính.

4.5 Nợ phải thu

Các khoản phải thu trình bày trong Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ theo giá trị ghi sổ phải thu từ khách hàng của Tổng công ty và các khoản phải thu khác cộng với dự phòng nợ phải thu khó đòi. Tại thời điểm báo cáo, nếu:

- Khoản phải thu có thời gian thu hồi hoặc thanh toán từ 1 năm trở xuống (hoặc trong một chu kỳ sản xuất kinh doanh) được phân loại là Tài sản ngắn hạn;
- Khoản phải thu có thời gian thu hồi hoặc thanh toán trên 1 năm (hoặc nhiều hơn một chu kỳ sản xuất kinh doanh) được phân loại là Tài sản dài hạn;

Dự phòng nợ phải thu khó đòi thể hiện phần giá trị dự kiến bị tổn thất do các khoản phải thu không được khách hàng thanh toán phát sinh đối với số dư các khoản phải thu vào ngày kết thúc kỳ tài chính.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi được trích lập cho những khoản phải thu đã quá hạn thanh toán từ sáu tháng trở lên hoặc các khoản phải thu mà khách nợ khó có khả năng thanh toán do bị thanh lý, phá sản hay các khó khăn tương tự.

4.6 Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được thể hiện theo giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được của hàng tồn kho.

Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua, chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Giá trị thuần có thể thực hiện được của hàng tồn kho là giá bán ước tính của hàng tồn kho trong kỳ sản xuất, kinh doanh bình thường trừ chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm và chi phí ước tính cần thiết cho việc tiêu thụ chúng.

Tổng công ty áp dụng phương pháp kê khai thường xuyên để hạch toán hàng tồn kho với giá trị được xác định theo như sau:

- Nguyên vật liệu, công cụ dụng cụ, vật tư và hàng hoá: được xác định theo các phương pháp nhập trước xuất trước và bình quân gia quyền.

1344
CỘNG HÒA
HỘI
VIỆT
XU

TẬP ĐOÀN CÔNG NGHIỆP THAN - KHOÁNG SẢN VIỆT NAM
TỔNG CÔNG TY ĐIỆN LỰC TKV - CTCP

Địa chỉ: Tòa nhà Sannam, đường Duy Tân, phường Dịch Vọng Hậu, Q. Cầu Giấy, TP. Hà Nội

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)

Kỳ tài chính bắt đầu từ ngày 01/01/2018 và kết thúc vào ngày 30/06/2018

- Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang: giá vốn nguyên vật liệu và lao động trực tiếp cộng chi phí sản xuất chung có liên quan được phân bổ dựa trên mức hoạt động bình thường.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được trích lập cho các vật tư, hàng hóa tồn kho có giá gốc lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được theo quy định tại Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 02 "Hàng tồn kho" và Thông tư số 228/2009/TT - BTC ngày 07/12/2009 của Bộ Tài chính về việc hướng dẫn chế độ trích lập và sử dụng các khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho, tổn thất các khoản đầu tư tài chính, nợ phải thu khó đòi và bảo hành sản phẩm, hàng hóa, công trình xây lắp tại doanh nghiệp.

4.7 Tài sản cố định và khấu hao tài sản cố định

4.7.1 Tài sản cố định hữu hình

Đối với những tài sản cố định hữu hình đưa vào sử dụng trước ngày 01/4/2014

Nguyên giá và giá trị còn lại của các tài sản đưa vào sử dụng trước ngày 01/4/2014 được ghi nhận theo giá trị đánh giá lại theo Quyết định số 1930/QĐ-HĐTV ngày 29/8/2014 của Tập đoàn Công nghiệp Than - Khoáng sản Việt Nam.

Đối với những tài sản cố định hữu hình đưa vào sử dụng sau ngày 01/4/2014

Tài sản cố định hữu hình được phản ánh theo nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình tăng sau ngày 01/4/2014 bao gồm giá mua và những chi phí có liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình do tự làm, tự xây dựng bao gồm chi phí xây dựng, chi phí sản xuất thực tế phát sinh cộng chi phí lắp đặt và chạy thử. Các chi phí nâng cấp tài sản cố định hữu hình được vốn hóa, ghi tăng nguyên giá tài sản cố định; các chi phí bảo trì, sửa chữa được tính vào kết quả hoạt động kinh doanh trong kỳ. Khi tài sản cố định hữu hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và bất kỳ khoản lãi lỗ nào phát sinh do thanh lý tài sản cố định hữu hình đều được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh.

Khấu hao tài sản cố định hữu hình được tính theo phương pháp đường thẳng, áp dụng cho tất cả các tài sản theo tỷ lệ được tính toán để phân bổ nguyên giá trong suốt thời gian ước tính sử dụng và phù hợp với hướng dẫn tại Thông tư 45/2013/TT-BTC ngày 25/04/2013 của Bộ Tài chính về việc hướng dẫn Chế độ quản lý, sử dụng và trích khấu hao tài sản cố định.

Thời gian trích khấu hao tài sản cố định hữu hình của Tổng công ty như sau:

- Nhà cửa, vật kiến trúc	5 - 50 năm
- Máy móc, thiết bị	3 - 20 năm
- Phương tiện vận tải, truyền dẫn	3 - 12 năm
- Thiết bị dụng cụ, quản lý	3 - 6 năm
- Tài sản cố định hữu hình khác	10 năm

0640
GT
MH
KF
NA
N-

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)

Kỳ tài chính bắt đầu từ ngày 01/01/2018 và kết thúc vào ngày 30/06/2018

4.7.2 Tài sản cố định vô hình

Đối với những tài sản cố định vô hình đưa vào sử dụng trước ngày 01/4/2014

Nguyên giá và giá trị còn lại của các tài sản cố định vô hình đưa vào sử dụng trước ngày 01/4/2014 được ghi nhận theo giá trị đánh giá lại theo Quyết định số 1930/QĐ-HĐTV ngày 29/8/2014 của Tập đoàn Công nghiệp Than - Khoáng sản Việt Nam.

Đối với những tài sản cố định vô hình đưa vào sử dụng sau ngày 01/4/2014

Nguyên giá tài sản cố định vô hình tăng sau ngày 01/4/2014 bao gồm giá mua và các chi phí trực tiếp liên quan đến việc chuẩn bị để đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Các chi phí nâng cấp tài sản được vốn hóa vào nguyên giá tài sản cố định; các chi phí khác được tính vào kết quả hoạt động kinh doanh trong kỳ. Khi tài sản cố định vô hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và bất kỳ các khoản lãi lỗ nào phát sinh do thanh lý tài sản cố định vô hình đều được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh.

Khấu hao tài sản cố định vô hình được tính theo phương pháp đường thẳng, áp dụng cho tất cả các tài sản theo tỷ lệ được tính toán để phân bổ nguyên giá trong suốt thời gian ước tính sử dụng và phù hợp với hướng dẫn tại Thông tư 45/2013/TT-BTC ngày 25/04/2013 của Bộ Tài chính về việc hướng dẫn Chế độ quản lý, sử dụng và trích khấu hao tài sản cố định.

Thời gian trích khấu hao của tài sản cố định vô hình của Tổng công ty như sau:

- Phần mềm máy tính	3 - 6 năm
- Quyền sử dụng đất	8 - 50 năm
- Tài sản cố định vô hình khác	6 năm

4.8 Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang bao gồm các khoản chi phí đầu tư hình thành tài sản cố định (chi phí mua sắm tài sản cố định, đầu tư xây dựng cơ bản) và chi phí sửa chữa tài sản cố định còn chưa hoàn thành tại ngày kết thúc năm tài chính. Chi phí xây dựng cơ bản được ghi nhận theo giá gốc. Tài sản sau khi kết thúc quá trình đầu tư sẽ được trích khấu hao giống như các tài sản cố định khác, bắt đầu từ khi tài sản được đưa vào sử dụng.

Theo quy định về quản lý đầu tư xây dựng của Nhà nước, các công trình xây dựng cơ bản hoàn thành và mua sắm máy móc, thiết bị hoàn thành cần được các cơ quan có thẩm quyền về quản lý đầu tư phê duyệt. Do đó, giá trị cuối cùng về các công trình xây dựng cơ bản và mua sắm máy móc thiết bị này sẽ phụ thuộc vào phê duyệt của cơ quan có thẩm quyền.

4.9 Các khoản đầu tư tài chính

Các khoản đầu tư tài chính được kế toán theo phương pháp giá gốc. Theo đó, các khoản đầu tư chỉ được ghi nhận ban đầu theo giá gốc, sau đó không được điều chỉnh theo những thay đổi của phần sở hữu của Tổng công ty trong tài sản thuần của bên nhận đầu tư. Tổng

TẬP ĐOÀN CÔNG NGHIỆP THAN - KHOÁNG SẢN VIỆT NAM
TỔNG CÔNG TY ĐIỆN LỰC TKV - CTCP

Địa chỉ: Tòa nhà Sannam, đường Duy Tân, phường Dịch Vọng Hậu, Q. Cầu Giấy, TP. Hà Nội

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)

Kỳ tài chính bắt đầu từ ngày 01/01/2018 và kết thúc vào ngày 30/06/2018

công ty chỉ hạch toán vào thu nhập trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh khoản được chia từ lợi nhuận thuần lũy kế của bên nhận đầu tư phát sinh sau ngày đầu tư. Các khoản khác mà Tổng công ty nhận được ngoài lợi nhuận được chia được coi là phần thu hồi các khoản đầu tư và được ghi nhận là khoản giảm trừ giá gốc khoản đầu tư.

Các khoản đầu tư tài chính tại thời điểm báo cáo, nếu:

- (i) Có thời hạn thu hồi hoặc đáo hạn không quá 90 ngày kể từ ngày mua khoản đầu tư đó được coi là “tương đương tiền”;
- (ii) Có thời hạn thu hồi vốn từ 1 năm trở xuống (hoặc trong một chu kỳ sản xuất kinh doanh) được phân loại là tài sản ngắn hạn;
- (iii) Có thời hạn thu hồi vốn trên 1 năm (hoặc nhiều hơn một chu kỳ sản xuất kinh doanh) được phân loại là tài sản dài hạn (các khoản đầu tư tài chính dài hạn).

Các khoản đầu tư tài chính dài hạn:

- + Công ty con là công ty mà Tổng công ty có quyền chi phối các chính sách và hoạt động nhằm thu được lợi ích kinh tế từ hoạt động kinh doanh.
- + Các khoản góp vốn liên doanh là thỏa thuận trên cơ sở ký kết hợp đồng mà theo đó Tổng công ty và các bên tham gia thực hiện hoạt động kinh tế trên cơ sở đồng kiểm soát cơ sở đồng kiểm soát được hiểu là việc đưa ra các quyết định mang tính chiến lược liên quan đến các chính sách hoạt động và tài chính của đơn vị liên doanh phải có sự đồng thuận của các bên đồng kiểm soát.
- + Công ty liên kết là một Công ty mà Công ty mẹ có ảnh hưởng đáng kể nhưng không phải là công ty con hay công ty liên doanh của Công ty mẹ. Ảnh hưởng đáng kể thể hiện ở quyền tham gia vào việc đưa ra các quyết định về chính sách và hoạt động của bên đầu tư nhưng không có ảnh hưởng về mặt kiểm soát hoặc đồng kiểm soát những chính sách này.
- + Các khoản đầu tư dài hạn khác bao gồm các khoản đầu tư cổ phiếu, góp vốn vào các đơn vị khác với tỷ lệ nhỏ hơn 20% vốn điều lệ của công ty nhận đầu tư, các khoản cho vay và đầu tư dài hạn khác. Các khoản đầu tư này được phản ánh theo giá gốc.

Dự phòng giảm giá đầu tư được lập vào thời điểm cuối kỳ tài chính là số chênh lệch giữa giá gốc của các khoản đầu tư được hạch toán trên sổ kế toán lớn hơn giá trị thị trường của chúng tại thời điểm lập dự phòng. Việc trích lập và hoàn nhập các khoản dự phòng giảm giá đầu tư được thực hiện theo Thông tư 228/2009/TT-BTC ban hành ngày 07/12/2009 và Thông tư 89/2013/TT-BTC ban hành ngày 28/06/2013 của Bộ Tài chính sửa đổi bổ sung thông tư 228/2009/TT-BTC ban hành ngày 07/12/2009.

4.10 Chi phí đi vay và vốn hoá các khoản chi phí đi vay

Chi phí đi vay bao gồm các khoản lãi tiền vay, các khoản chi phí khác phát sinh liên quan tới quá trình làm thủ tục vay được ghi nhận vào chi phí hoạt động tài chính trong năm trừ trường hợp các khoản chi phí đi vay đó được tính vào (vốn hóa) giá trị tài sản do có liên

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
Kỳ tài chính bắt đầu từ ngày 01/01/2018 và kết thúc vào ngày 30/06/2018

quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng, mua sắm tài sản hoặc sản xuất các tài sản dở dang khi có đủ điều kiện vốn hóa theo quy định tại chuẩn mực chi phí đi vay.

Việc vốn hoá chi phí đi vay sẽ được tạm ngừng lại trong các giai đoạn mà quá trình đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang bị gián đoạn, trừ khi sự gián đoạn đó là cần thiết và sẽ chấm dứt khi các hoạt động chủ yếu cần thiết cho việc chuẩn bị đưa tài sản dở dang vào sử dụng hoặc bán ra đã hoàn thành. Chi phí đi vay phát sinh sau đó sẽ được ghi nhận là chi phí hoạt động kinh doanh trong kỳ tài chính.

4.11 Chi phí trả trước

Chi phí trả trước bao gồm công cụ dụng cụ, chi phí sửa chữa lớn tài sản cố định và các chi phí trả trước khác. Chi phí trả trước sẽ được phân bổ dần vào chi phí sản xuất kinh doanh trong thời gian hợp lý kể từ khi phát sinh.

4.12 Nợ phải trả

Các khoản phải trả trình bày trong Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ theo giá trị ghi sổ phải trả từ nhà cung cấp của Tổng công ty và các khoản phải trả khác và được chi tiết cho từng đối tượng phải trả. Tại thời điểm báo cáo, nếu:

- Khoản phải trả có thời hạn thanh toán từ 1 năm trở xuống (hoặc trong một chu kỳ sản xuất kinh doanh) được phân loại là ngắn hạn;
- Khoản phải trả có thời hạn thanh toán trên 1 năm (hoặc nhiều hơn một chu kỳ sản xuất kinh doanh) được phân loại là dài hạn.

4.13 Chi phí phải trả

Chi phí phải trả bao gồm giá trị các khoản chi phí đã được tính vào chi phí hoạt động kinh doanh trong kỳ, nhưng chưa được thực chi tại thời điểm kết thúc kỳ tài chính để đảm bảo khi chi phí phát sinh thực tế không gây đột biến cho chi phí hoạt động kinh doanh trên cơ sở đảm bảo nguyên tắc phù hợp giữa doanh thu và chi phí. Khi các chi phí đó phát sinh, nếu có chênh lệch với số đã trích, kế toán tiến hành ghi bổ sung hoặc ghi giảm chi phí tương ứng với phần chênh lệch.

4.14 Dự phòng phải trả

Nguyên tắc ghi nhận dự phòng phải trả: Dự phòng phải trả được ghi nhận khi thoả mãn các điều kiện sau:

- Tổng công ty có nghĩa vụ nợ hiện tại (nghĩa vụ pháp lý hoặc nghĩa vụ liên đới) do kết quả từ một sự kiện đã xảy ra;
- Sự giảm sút về những lợi ích kinh tế có thể xảy ra dẫn đến việc yêu cầu phải thanh toán nghĩa vụ nợ; và
- Đưa ra được một ước tính đáng tin cậy về giá trị của nghĩa vụ nợ đó.

Khoản dự phòng phải trả được lập tại thời điểm lập Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ. Trường hợp số dự phòng phải trả cần lập ở kỳ kế toán này lớn hơn số dự phòng phải

TẬP ĐOÀN CÔNG NGHIỆP THAN - KHOÁNG SẢN VIỆT NAM
TỔNG CÔNG TY ĐIỆN LỰC TKV - CTCP

Địa chỉ: Tòa nhà Sannam, đường Duy Tân, phường Dịch Vọng Hậu, Q. Cầu Giấy, TP. Hà Nội

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
Kỳ tài chính bắt đầu từ ngày 01/01/2018 và kết thúc vào ngày 30/06/2018

trả đã lập ở kỳ kế toán trước chưa sử dụng hết thì số chênh lệch được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh của kỳ kế toán đó. Trường hợp số dự phòng phải trả lập ở kỳ kế toán này nhỏ hơn số dự phòng phải trả đã lập ở kỳ kế toán trước chưa sử dụng hết thì số chênh lệch phải được hoàn nhập ghi giảm chi phí sản xuất, kinh doanh của kỳ kế toán đó.

4.15 Vốn chủ sở hữu

Vốn đầu tư ban đầu của Tổng công ty được ghi nhận theo giá trị vốn góp của các bên góp vốn khi được chuyển đổi thành Công ty cổ phần. Trong quá trình hoạt động, vốn đầu tư của Tổng công ty được ghi nhận tăng lên theo giá trị vốn góp tăng lên của các cổ đông.

Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp có thể chia cho các bên góp vốn sau khi được thông qua bởi Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông tại Cuộc họp cổ đông thường niên. Cổ tức được chia từ lợi nhuận chưa phân phối dựa trên tỷ lệ góp vốn của từng cổ đông.

Theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp Công ty Cổ phần số 0104297034 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp ngày 15/01/2016, vốn điều lệ của Tổng công ty (Công ty mẹ) là 6.800.000.000.000 đồng và được chia thành 680.000.000 cổ phần. Các cổ đông đã góp vốn cổ phần vào Tổng công ty tại ngày kết thúc kỳ tài chính như sau:

Nhà đầu tư	Theo điều lệ		Vốn góp thực tế tại 30/06/2018	Tỷ lệ góp vốn (%)
	Số cổ phần	Tiền (VND)		
Tập đoàn CN Than - Khoáng sản Việt Nam	677.808.500	6.778.085.000.000	6.778.085.000.000	99,68%
Các cổ đông khác	2.191.500	21.915.000.000	21.915.000.000	0,32%
Cộng	680.000.000	6.800.000.000.000	6.800.000.000.000	100%

Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp có thể chia cho các bên góp vốn sau khi được thông qua bởi Nghị quyết cuộc họp Đại hội đồng cổ đông. Cổ tức được chia từ lợi nhuận chưa phân phối dựa trên tỷ lệ góp vốn của từng cổ đông.

4.16 Doanh thu

Doanh thu được ghi nhận khi kết quả giao dịch được xác định một cách đáng tin cậy và Tổng công ty có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch này.

- (i) Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu hàng hóa đã được chuyển giao cho người mua và hàng hóa đã được giao cho người mua và được chấp nhận của khách hàng.
- (ii) Doanh thu xây dựng được ghi nhận tương ứng với phần công việc đã hoàn thành được khách hàng xác nhận trong kỳ, khi Tổng công ty đảm bảo thu được lợi ích từ hợp đồng xây dựng và chi phí để hoàn thành phần công việc đã hoàn thành tại thời điểm lập Báo cáo tài chính hợp nhất được tính toán một cách tin cậy.
- (iii) Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi phần lớn rủi ro và lợi ích đã được chuyển giao cho khách hàng, dịch vụ đã được cung cấp và được khách hàng chấp nhận.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)

Kỳ tài chính bắt đầu từ ngày 01/01/2018 và kết thúc vào ngày 30/06/2018

- (iv) Doanh thu hoạt động tài chính bao gồm doanh thu phát sinh từ lãi tiền gửi, lãi tiền cho vay, lãi chênh lệch tỷ giá và các khoản doanh thu hoạt động tài chính khác. Lãi tiền gửi, lãi tiền vay được xác định trên cơ sở dồn tích, được xác định trên số dư các khoản tiền gửi và lãi suất áp dụng.
- (v) Lãi từ các khoản đầu tư được ghi nhận khi Tổng công ty có quyền nhận khoản lãi.

4.17 Chi phí hoạt động tài chính

Chi phí tài chính của Tổng công ty bao gồm các khoản chi phí lãi tiền vay không được vốn hoá theo quy định và các chi phí khác phát sinh trong kỳ tài chính. Trong đó chi phí lãi tiền vay là lãi vay phải trả trong năm của các khoản vay ngắn hạn và dài hạn của Tổng công ty.

4.18 Thuế

Thuế Thu nhập Doanh nghiệp thể hiện tổng giá trị của số thuế phải trả hiện tại và số thuế hoãn lại.

Số thuế hiện tại phải trả được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong kỳ. Thu nhập chịu thuế khác với lợi nhuận thuần được trình bày trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản thu nhập hay chi phí tính thuế hoặc được khấu trừ trong các năm khác (bao gồm cả lỗ mang sang, nếu có) và ngoài ra không bao gồm các chỉ tiêu không chịu thuế hoặc không được khấu trừ.

Việc xác định thuế thu nhập của Tổng công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

Thuế thu nhập hoãn lại được tính trên các khoản chênh lệch giữa giá trị ghi sổ và cơ sở tính thuế thu nhập doanh nghiệp của các khoản mục tài sản hoặc công nợ trên Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ và được ghi nhận theo phương pháp dựa trên bảng cân đối kế toán. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời còn tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để khấu trừ các khoản chênh lệch tạm thời.

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trừ trường hợp khoản thuế đó có liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu. Trong trường hợp đó, thuế thu nhập hoãn lại cũng được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được bù trừ khi Tổng công ty có quyền hợp pháp để bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và khi các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả liên quan đến thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế và Tổng công ty có dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần. Tổng công ty không ghi nhận thuế thu nhập hoãn lại do các khoản chênh lệch giữa giá trị ghi sổ của các khoản mục tài sản hoặc công nợ trên Bảng cân đối kế toán hợp nhất giữa niên độ và cơ sở tính thuế thu nhập là không trọng yếu tại ngày 30/06/2017.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
Kỳ tài chính bắt đầu từ ngày 01/01/2018 và kết thúc vào ngày 30/06/2018

Các loại thuế khác: theo quy định hiện hành của Việt Nam.

4.19 Công cụ tài chính

Ghi nhận ban đầu

Tài sản tài chính: Tại ngày ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc mua sắm tài sản tài chính đó. Tài sản tài chính của Công ty bao gồm tiền, các khoản tương đương tiền, các khoản phải thu khách hàng, phải thu khác, các khoản ký quỹ, các khoản đầu tư tài chính và các công cụ tài chính phái sinh.

Công nợ tài chính: Tại ngày ghi nhận ban đầu, công nợ tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc phát hành công nợ tài chính đó. Công nợ tài chính của Công ty bao gồm các khoản phải trả người bán, phải trả khác, các khoản chi phí phải trả, các khoản nợ thuê tài chính, các khoản vay và công cụ tài chính phái sinh.

Đánh giá lại sau lần ghi nhận ban đầu

Hiện tại, chưa có quy định về đánh giá lại công cụ tài chính sau ghi nhận ban đầu.

4.20 Lãi cơ bản trên cổ phiếu

Lãi cơ bản trên cổ phiếu đối với các cổ phiếu phổ thông được tính bằng cách chia lợi nhuận hoặc lỗ thuộc về cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông với số lượng bình quân gia quyền cổ phiếu phổ thông lưu hành trong kỳ.

Lãi suy giảm trên cổ phiếu được xác định bằng việc điều chỉnh lợi nhuận hoặc lỗ thuộc về cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông và số lượng bình quân gia quyền cổ phiếu phổ thông đang lưu hành do ảnh hưởng của các cổ phiếu phổ thông có tiềm năng suy giảm bao gồm trái phiếu chuyển đổi và quyền chọn cổ phiếu.

TẬP ĐOÀN CÔNG NGHIỆP THAN - KHOÁNG SẢN VIỆT NAM
TỔNG CÔNG TY ĐIỆN LỰC TKV - CTCP

Địa chỉ: Tòa nhà Sannam, đường Duy Tân, phường Dịch Vọng Hậu, Q. Cầu Giấy, TP. Hà Nội

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
Kỳ tài chính bắt đầu từ ngày 01/01/2018 và kết thúc vào ngày 30/06/2018

5 THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

5.1 Tiền

	<u>30/06/2018</u> (VND)	<u>01/01/2018</u> (VND)
Tiền mặt tại quỹ (i)	512.409.671	920.958.565
Tiền gửi ngân hàng (ii)	38.207.912.421	52.826.539.586
Tiền đang chuyển (iii)	258.342.550.000	-
Cộng	<u>297.062.872.092</u>	<u>53.747.498.151</u>
 (i) Số dư tiền mặt tại quỹ tại ngày 30/06/2018 bao gồm:		
	<u>Nguyên tệ</u>	<u>VND</u>
Ngoại tệ	-	-
Đồng Việt Nam		512.409.671
Cộng		<u>512.409.671</u>
 (ii) Số dư tiền gửi ngân hàng tại ngày 30/06/2018 bao gồm:		
	<u>Nguyên tệ</u>	<u>VND</u>
Ngoại tệ (USD)	488,46 #	11.195.503
Đồng Việt Nam		38.196.716.918
Cộng		<u>38.207.912.421</u>
 (iii) Số dư tiền đang chuyển tại ngày 30/06/2018 bao gồm:		
	<u>Nguyên tệ</u>	<u>VND</u>
Ngoại tệ (USD)		-
Đồng Việt Nam		258.342.550.000
Cộng		<u>258.342.550.000</u>

TẬP ĐOÀN CÔNG NGHIỆP THAN - KHOÁNG SẢN VIỆT NAM
TỔNG CÔNG TY ĐIỆN LỰC TKV - CTCP

Địa chỉ: Tòa nhà Sannam, đường Duy Tân, phường Dịch Vọng Hậu, Q. Cầu Giấy, TP. Hà Nội

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (Tiếp theo)

Kỳ tài chính bắt đầu từ ngày 01/01/2018 và kết thúc vào ngày 30/06/2018

5.2 Các khoản đầu tư tài chính

	30/06/2018		01/01/2018			
	(VND)		(VND)			
	Giá gốc	Giá trị hợp lý	Dự phòng	Giá gốc	Giá trị hợp lý	Dự phòng
Ngắn hạn	-	-	-	-	-	-
Dài hạn	1.156.056.281.399	1.156.056.281.399	-	1.096.124.960.279	1.010.113.524.479	(86.011.435.800)
<u>Đầu tư vào đơn vị khác:</u>	1.156.056.281.399	1.156.056.281.399	-	1.096.124.960.279	1.010.113.524.479	(86.011.435.800)
- Công ty TNHH Điện lực Vĩnh Tân	317.714.971.399	317.714.971.399	-	257.783.650.279	257.783.650.279	-
- Công ty Cổ phần Nhiệt điện Hải Phòng	360.500.000.000	360.500.000.000	-	360.500.000.000	360.500.000.000	-
- Công ty Cổ phần Nhiệt điện Quảng Ninh	477.841.310.000	477.841.310.000	-	477.841.310.000	391.829.874.200	(86.011.435.800)
Cộng	1.156.056.281.399	1.156.056.281.399	-	1.096.124.960.279	1.010.113.524.479	(86.011.435.800)

Tóm tắt tình hình hoạt động của các công ty mà Tổng công ty góp vốn tại ngày 30/06/2018

Tên công ty	Nơi thành lập và hoạt động	Tỷ lệ lợi ích	Tỷ lệ biểu quyết	Hoạt động kinh doanh chính
-------------	----------------------------	---------------	------------------	----------------------------

Đầu tư vào đơn vị khác:

Công ty TNHH Điện lực Vĩnh Tân	Bình Thuận	5%	5%	Sản xuất, truyền tải và phân phối điện
Công ty Cổ phần Nhiệt điện Hải Phòng	Hải Phòng	7,21%	7,21%	Sản xuất, truyền tải và phân phối điện
Công ty Cổ phần Nhiệt điện Quảng Ninh	Quảng Ninh	10,62%	10,62%	Sản xuất, truyền tải và phân phối điện

TẬP ĐOÀN CÔNG NGHIỆP THAN - KHOÁNG SẢN VIỆT NAM
TỔNG CÔNG TY ĐIỆN LỰC TKV - CTCP

Địa chỉ: Tòa nhà Sannam, đường Duy Tân, phường Dịch Vọng Hậu, Q. Cầu Giấy, TP. Hà Nội

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (Tiếp theo)
 Kỳ tài chính bắt đầu từ ngày 01/01/2018 và kết thúc vào ngày 30/06/2018

5.3 Phải thu khách hàng

	30/06/2018 (VND)	01/01/2018 (VND)
a. Ngắn hạn	2.588.983.989.696	2.277.995.125.129
Công ty Mua bán điện	2.543.706.325.040	2.268.126.307.745
Các khách hàng khác	45.277.664.656	9.868.817.384
b. Dài hạn	-	-
Cộng	2.588.983.989.696	2.277.995.125.129

5.4 Phải thu khác

	30/06/2018 (VND)		01/01/2018 (VND)	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
a. Ngắn hạn	25.127.193.148	(58.533.699)	26.105.436.708	(59.339.451)
Phải thu về cổ phần hóa	4.957.949.800	-	4.957.949.800	-
Phải thu khác (i)	20.169.243.348	(58.533.699)	21.147.486.908	(59.339.451)
b. Dài hạn	8.361.053.378	-	7.654.741.378	-
Ký cược, ký quỹ	8.361.053.378	-	7.654.741.378	-
Cộng	33.488.246.526	(58.533.699)	33.760.178.086	(59.339.451)

(i) Phải thu khác tại ngày 30/06/2018 bao gồm:	30/06/2018 (VND)
Phải thu tiền vật tư nhà thầu SEFCO	4.586.303.459
Các khoản khác	15.582.939.889
Cộng	20.169.243.348

TẬP ĐOÀN CÔNG NGHIỆP THAN - KHOÁNG SẢN VIỆT NAM
TỔNG CÔNG TY ĐIỆN LỰC TKV - CTCP

Địa chỉ: Tòa nhà Sannam, đường Duy Tân, phường Dịch Vọng Hậu, Q. Cầu Giấy, TP. Hà Nội

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (Tiếp theo)

Kỳ tài chính bắt đầu từ ngày 01/01/2018 và kết thúc vào ngày 30/06/2018

5.5 Nợ xấu

	30/06/2018 (VND)		01/01/2018 (VND)	
	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi
Tổng giá trị các khoản phải thu, cho vay quá hạn thanh toán hoặc chưa quá hạn nhưng khó có khả năng thu hồi:	5.614.538.699	76.623.800	5.615.344.451	76.623.800
Dưới 3 năm	2.802.699	-	3.608.451	-
Các đối tượng khác	2.802.699	-	3.608.451	-
Từ 3 năm trở lên	5.133.990.000	-	5.368.438.000	-
Điện lực Thái Nguyên	13.621.000	-	13.621.000	-
Vụ Năng lượng - Bộ Công thương	42.110.000	-	42.110.000	-
Công ty CP Dịch vụ thương mại Á Châu	-	-	234.448.000	-
Công ty Cổ phần xây dựng số 18	5.005.599.000	-	5.005.599.000	-
Trung tâm nghiên cứu, TK ứng dụng CN mới	72.660.000	-	72.660.000	-
Từ 2 đến 3 năm	459.574.000	67.537.800	225.126.000	67.537.800
Công ty TNHH Dịch vụ & Thương mại Á Châu	459.574.000	67.537.800	225.126.000	67.537.800
Từ 1 đến 2 năm	18.172.000	9.086.000	18.172.000	9.086.000
Công ty CP SX và TM Nhất Thành Phát	18.172.000	9.086.000	18.172.000	9.086.000

TẬP ĐOÀN CÔNG NGHIỆP THAN - KHOÁNG SẢN VIỆT NAM
TỔNG CÔNG TY ĐIỆN LỰC TKV - CTCP

Địa chỉ: Tòa nhà Sannam, đường Duy Tân, phường Dịch Vọng Hậu, Q. Cầu Giấy, TP. Hà Nội

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (Tiếp theo)

Kỳ tài chính bắt đầu từ ngày 01/01/2018 và kết thúc vào ngày 30/06/2018

5.6 Hàng tồn kho

	30/06/2018 (VND)		01/01/2018 (VND)	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
Nguyên liệu, vật liệu	105.637.628.387	(321.823.948)	100.895.885.110	(321.823.948)
Công cụ, dụng cụ	21.109.458.052	-	933.939.473	-
Chi phí SXKD DD	23.288.839.725	-	18.249.463.968	-
Thành phẩm	3.597.210.182	-	2.882.815.707	-
Cộng	153.633.136.346	(321.823.948)	122.962.104.258	(321.823.948)

TẬP ĐOÀN CÔNG NGHIỆP THAN - KHOÁNG SẢN VIỆT NAM
TỔNG CÔNG TY ĐIỆN LỰC TKV - CTCP

Địa chỉ: Tòa nhà Sannam, đường Duy Tân, phường Dịch Vọng Hậu, Q. Cầu Giấy, TP. Hà Nội

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (Tiếp theo)

Kỳ tài chính bắt đầu từ ngày 01/01/2018 và kết thúc vào ngày 30/06/2018

5.7 Tài sản dở dang dài hạn

	30/06/2018		01/01/2018	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
	(VND)		(VND)	
a. Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang dài hạn	817.383.784	-	1.055.479.022	-
Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang dài hạn	817.383.784	-	1.055.479.022	-
b. Chi phí Xây dựng cơ bản dở dang	82.111.411.022	-	82.917.884.709	-
- Mua sắm	-	-	-	-
- Xây dựng cơ bản	80.090.567.710	-	81.303.539.527	-
Dự án Nhà máy Thủy điện Đồng Nai 5	844.690.529	-	17.025.905.500	-
Xây dựng bãi thải xỉ NMMĐ Na Dương giai đoạn 2011 - 2012 (nay là giai đoạn 2013 - 2015)	20.599.348.607	-	20.599.348.607	-
Dự án Xây dựng hệ thống CNTT phục vụ điều hành sản xuất kinh doanh tại Cơ quan Tổng Công ty Điện lực TKV - CTCP (Giai đoạn 3)	5.780.354.810	-	-	-
ĐTXD nhà máy SX VLKN và bãi tập kết nguyên vật liệu tại Đồng Giếng To	2.946.467.500	-	2.946.467.500	-
Dự án nhà máy nhiệt điện Na Dương 2	19.579.303.473	-	19.084.687.109	-
Bãi chứa tro xỉ khoảng 7,8	706.333.234	-	706.333.234	-
Đường công vụ từ Quốc lộ 18A đến NMMĐ Đông Triều	-	-	11.510.692.498	-
Dự án khác	29.634.069.557	-	9.430.105.079	-
- Sửa chữa	2.020.843.312	-	1.614.345.182	-
Chi phí sửa chữa lớn	2.020.843.312	-	1.614.345.182	-
Cộng	82.928.794.806	-	83.973.363.731	-



TẬP ĐOÀN CÔNG NGHIỆP THAN - KHOÁNG SẢN VIỆT NAM
TỔNG CÔNG TY ĐIỆN LỰC TKV - CTCP

Địa chỉ: Tòa nhà Sannam, đường Duy Tân, phường Dịch Vọng Hậu, Q. Cầu Giấy, TP. Hà Nội

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (Tiếp theo)

Kỳ tài chính bắt đầu từ ngày 01/01/2018 và kết thúc vào ngày 30/06/2018

5.8 Tăng giảm tài sản cố định hữu hình

	Nhà cửa, vật kiến trúc VND	Máy móc, trang thiết bị VND	Phương tiện vận tải VND	Thiết bị, dụng cụ quản lý VND	TSCĐ khác VND	Tổng cộng VND
NGUYỄN GIÁ						
Số dư đầu kỳ	9.189.880.682.911	23.298.993.137.115	338.322.085.926	51.617.165.714	272.913.603.841	33.151.726.675.507
- Mua trong kỳ	-	6.276.887.310	-	66.500.000	-	6.343.387.310
- Đầu tư XDCB hoàn thành	9.071.341.379	10.820.427.036	-	359.090.909	-	20.250.859.324
- Phân loại lại nhóm TSCĐ	-	-	-	-	-	-
- Tăng khác	203.229.633	4.045.847.192	-	140.000.000	-	4.389.076.825
- Giảm khác	-	(3.822.352.125)	(1.056.008.730)	-	(140.000.000)	(5.018.360.855)
Số dư cuối kỳ	9.199.155.253.923	23.316.313.946.528	337.266.077.196	52.182.756.623	272.773.603.841	33.177.691.638.111
GIÁ TRỊ HAO MÒN						
Số dư đầu kỳ	1.999.929.207.156	10.868.012.984.635	239.161.695.376	49.399.506.223	172.828.921.002	13.329.332.314.392
- Khấu hao trong kỳ	217.546.058.541	717.719.270.384	17.107.135.339	1.005.877.560	16.020.737.128	969.399.078.952
- Hao mòn trong kỳ	85.023.420	-	-	-	-	85.023.420
- Phân loại lại nhóm TSCĐ	-	-	-	-	-	-
- Tăng khác	108.154.807	-	-	-	494.232.132	602.386.939
- Giảm khác	-	-	-	-	-	-
Số dư cuối kỳ	2.217.668.443.924	11.585.732.255.019	256.268.830.715	50.405.383.783	189.343.890.262	14.299.418.803.703
GIÁ TRỊ CÒN LẠI						
Tại ngày đầu kỳ	7.189.951.475.755	12.430.980.152.480	99.160.390.550	2.217.659.491	100.084.682.839	19.822.394.361.115
Tại ngày cuối kỳ	6.981.486.809.999	11.730.581.691.509	80.997.246.481	1.777.372.840	83.429.713.579	18.878.272.834.408

TẬP ĐOÀN CÔNG NGHIỆP THAN - KHOÁNG SẢN VIỆT NAM**TỔNG CÔNG TY ĐIỆN LỰC TKV - CTCP**

Địa chỉ: Tòa nhà Sannam, đường Duy Tân, phường Dịch Vọng Hậu, Q. Cầu Giấy, TP. Hà Nội

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (Tiếp theo)

Kỳ tài chính bắt đầu từ ngày 01/01/2018 và kết thúc vào ngày 30/06/2018

5.9 Tăng giảm tài sản cố định vô hình

	Quyền sử dụng đất	Phần mềm máy vi tính VND	TSCĐVH Khác VND	Tổng cộng VND
NGUYÊN GIÁ				
Số dư đầu kỳ	29.231.797.815	3.484.625.579	227.726.364	32.944.149.758
- Mua trong kỳ	-	-	-	-
- Đầu tư XD/CB hoàn thành	-	-	-	-
- Tăng khác	-	-	-	-
- Chuyển sang BĐS đầu tư	-	-	-	-
- Thanh lý, nhượng bán	-	-	-	-
- Giảm khác	-	(6.737.000)	-	(6.737.000)
Số dư cuối kỳ	29.231.797.815	3.477.888.579	227.726.364	32.937.412.758
GIÁ TRỊ HAO MÒN				
Số dư đầu kỳ	2.683.297.497	2.028.697.996	167.708.623	4.879.704.116
- Khấu hao trong kỳ	557.315.217	339.147.814	13.117.860	909.580.891
- Tăng khác	-	-	-	-
- Chuyển sang BĐS đầu tư	-	-	-	-
- Thanh lý, nhượng bán	-	-	-	-
- Giảm khác	-	-	-	-
Số dư cuối kỳ	3.240.612.714	2.367.845.810	180.826.483	5.789.285.007
GIÁ TRỊ CÒN LẠI				
Tại ngày đầu kỳ	26.548.500.318	1.455.927.583	60.017.741	28.064.445.642
Tại ngày cuối kỳ	25.991.185.101	1.110.042.769	46.899.881	27.148.127.751

TẬP ĐOÀN CÔNG NGHIỆP THAN - KHOÁNG SẢN VIỆT NAM**TỔNG CÔNG TY ĐIỆN LỰC TKV - CTCP**

Địa chỉ: Tòa nhà Sannam, đường Duy Tân, phường Dịch Vọng Hậu, Q. Cầu Giấy, TP. Hà Nội

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (Tiếp theo)

Kỳ tài chính bắt đầu từ ngày 01/01/2018 và kết thúc vào ngày 30/06/2018

5.10 Chi phí trả trước

	30/06/2018 (VND)	01/01/2018 (VND)
a. Ngắn hạn	7.388.608.178	2.719.501.260
Công cụ, dụng cụ xuất dùng	2.580.818.954	2.169.516.600
Chi phí bảo hiểm	3.805.526.642	468.700.187
Chi phí trả trước ngắn hạn khác	1.002.262.582	81.284.473
b. Dài hạn	1.137.240.496.255	1.213.800.961.781
Tiền thuê nhà trả trước nhiều năm	2.061.612.000	-
Chi phí bảo hiểm	-	5.595.585.884
Công cụ dụng cụ phân bổ nhiều năm	23.386.570.715	12.889.468.612
Chi phí sửa chữa lớn chờ phân bổ	139.736.202.464	156.025.338.755
Phí cấp quyền khai thác	2.047.733.222	-
Phí sử dụng số liệu, thông tin	5.045.620.112	-
Chi phí giai đoạn triển khai không đủ tiêu chuẩn ghi nhận TSCĐ vô hình	28.636.846.206	32.765.746.484
Chi phí đền bù giải phóng mặt bằng	1.153.175.320	-
Lỗi chênh lệch tỷ giá phân bổ 5 năm	934.323.367.120	1.004.796.249.883
Chi phí trả trước dài hạn khác	849.369.096	1.728.572.163
Cộng	1.144.629.104.433	1.216.520.463.041

TẬP ĐOÀN CÔNG NGHIỆP THAN - KHOÁNG SẢN VIỆT NAM
TỔNG CÔNG TY ĐIỆN LỰC TKV - CTCP

Địa chỉ: Tòa nhà Sannam, đường Duy Tân, phường Dịch Vọng Hậu, Q. Cầu Giấy, TP. Hà Nội

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (Tiếp theo)

Kỳ tài chính bắt đầu từ ngày 01/01/2018 và kết thúc vào ngày 30/06/2018

5.11 Phải trả người bán

	30/06/2018 (VND)		01/01/2018 (VND)	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
Các khoản phải trả người bán ngắn hạn	2.317.428.726.757	2.317.428.726.757	1.891.589.783.679	1.891.589.783.679
Công ty Kho vận và cảng Cẩm Phả - Vinacomin	1.172.305.088.665	1.172.305.088.665	859.523.260.648	859.523.260.648
Tổng công ty Đông Bắc	169.703.821.934	169.703.821.934	171.118.350.914	171.118.350.914
Công ty Kho Vận Đá Bạc - Vinacomin	81.931.856.659	81.931.856.659	-	-
Tập đoàn EVN	3.105.406.024	3.105.406.024	2.335.105.197	2.335.105.197
Công ty CP Tư vấn xây dựng điện 1	4.182.391.097	4.182.391.097	12.882.391.097	12.882.391.097
Ban Điều hành Dự án Thủy điện Đồng Nai 5 Tổng công ty Sông Đà	465.387.773.645	465.387.773.645	474.029.213.190	474.029.213.190
Công ty TNHH công trình cấp Nhĩ Tân	60.688.423.342	60.688.423.342	2.221.130.610	2.221.130.610
Nhà thầu Tổng công ty thiết bị nặng Trung Quốc (DA NS)	141.311.846.052	141.311.846.052	139.744.446.281	139.744.446.281
LD HydroChina HuaDong và Tianjin Alstom Hydro	10.417.075.917	10.417.075.917	10.301.532.012	10.301.532.012
Phải trả các đối tượng khác	208.395.043.422	208.395.043.422	219.434.353.730	219.434.353.730
Các khoản phải trả người bán dài hạn	395.419.285.868	395.419.285.868	625.431.237.752	625.431.237.752
Nhà thầu SFECO	395.419.285.868	395.419.285.868	391.033.382.523	391.033.382.523
Công ty TNHH công trình cấp Nhĩ Tân	-	-	234.397.855.229	234.397.855.229
Cộng	2.712.848.012.625	2.712.848.012.625	2.517.021.021.431	2.517.321.021.431

Phải trả người bán là các bên liên quan chi tiết xem Phụ lục 02.

TẬP ĐOÀN CÔNG NGHIỆP THAN - KHOÁNG SẢN VIỆT NAM
TỔNG CÔNG TY ĐIỆN LỰC TKV - CTCP

Địa chỉ: Tòa nhà Sannam, đường Duy Tân, phường Dịch Vọng Hậu, Q. Cầu Giấy, TP. Hà Nội

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (Tiếp theo)

Kỳ tài chính bắt đầu từ ngày 01/01/2018 và kết thúc vào ngày 30/06/2018

	01/01/2018 (VND)		30/06/2018 (VND)	
	Giá trị	Khả năng trả nợ	Giá trị	Khả năng trả nợ
c. Phân loại gốc vay dài hạn đến hạn trả tại thời điểm lập BCTC	2.543.929.793.175	2.543.929.793.175	2.665.816.186.299	2.665.816.186.299
Vay ngân hàng	1.011.158.869.408	1.011.158.869.408	1.271.136.954.496	1.271.136.954.496
Vay Tập đoàn	1.532.770.923.767	1.532.770.923.767	1.394.679.231.803	1.394.679.231.803
d. Số dư tại thời điểm lập BCTC	13.654.243.790.847	13.654.243.790.847	12.599.601.329.807	12.599.601.329.807
d.1 Vay và nợ ngắn hạn (d.1 = a + c)	3.152.519.302.067	3.152.519.302.067	3.272.808.056.924	3.272.808.056.924
d.2 Vay và nợ dài hạn (d.2 = b - c)	10.501.724.488.780	10.501.724.488.780	9.326.793.272.883	9.326.793.272.883

TẬP ĐOÀN CÔNG NGHIỆP THAN - KHOÁNG SẢN VIỆT NAM**TỔNG CÔNG TY ĐIỆN LỰC TKV - CTCP**

Địa chỉ: Tòa nhà Sannam, đường Duy Tân, phường Dịch Vọng Hậu, Q. Cầu Giấy, TP. Hà Nội

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (Tiếp theo)

Kỳ tài chính bắt đầu từ ngày 01/01/2018 và kết thúc vào ngày 30/06/2018

e. Trái phiếu phát hành

	01/01/2018 (VND)			30/06/2018 (VND)		
	Giá trị	Lãi suất năm	Kỳ hạn	Giá trị	Lãi suất năm	Kỳ hạn
Mệnh giá	1.006.774.400.000	9,5%	5 năm	1.007.312.000.000	9,75%	5 năm
Chiết khấu	-	-	-	-	-	-
Phụ trội	-	-	-	-	-	-
Cộng	1.006.774.400.000			1.007.312.000.000		

Số dư trái phiếu phát hành tại ngày 30 tháng 06 năm 2018:

- Phát hành lần 1:

Trái phiếu không chuyển đổi có tổng mệnh giá 450.000.000.000 đồng (bốn trăm năm mươi tỷ đồng) đảm bảo bằng tài sản, phát hành ngày 27 tháng 06 năm 2014 và đáo hạn vào ngày 27 tháng 06 năm 2019. Các trái phiếu được phát hành dưới hình thức bút toán ghi sổ, mỗi trái phiếu có mệnh giá 1.000.000.000 đồng (một tỷ đồng). Trái chủ (Ngân hàng Cổ phần Ngoại Thương Việt Nam) được hưởng lãi kể từ và bao gồm ngày 27 tháng 06 năm 2014 (ngày phát hành) cho đến, nhưng không bao gồm ngày 27 tháng 06 năm 2019 (ngày đáo hạn) và được trả sau 6 tháng một lần vào ngày 27/6 và ngày 27/12 hàng năm, với mức lãi suất bằng tổng của 3,3%/ năm và trung bình cộng lãi suất tiền gửi tiết kiệm bằng Đồng Việt Nam, trả lãi sau, kỳ hạn 12 tháng được công bố tại 04 ngân hàng lớn của Việt Nam, bao gồm: Ngân hàng Thương mại Cổ phần Ngoại thương Việt Nam (Sở giao dịch), Ngân hàng thương mại Cổ phần Đầu tư và Phát triển Việt nam (Sở giao dịch 1), Ngân hàng Cổ phần Công thương Việt Nam (chi nhánh Hà Nội) và Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam (Sở giao dịch 1) tại ngày xác định lãi suất.

- Phát hành lần 2:

Trái phiếu không chuyển đổi có tổng mệnh giá 560.000.000.000 đồng (năm trăm sáu mươi tỷ đồng) đảm bảo thanh toán bằng tài sản, phát hành ngày 29 tháng 12 năm 2015 và đáo hạn vào ngày 29 tháng 12 năm 2020; Chi phí phát hành trái phiếu (phí bảo lãnh phát hành) bằng 1% tổng mệnh giá trái phiếu, tương đương với 5.376.000.000 đồng (năm tỷ, ba trăm bảy mươi sáu triệu đồng) được phân bổ dần trong 05 năm. Các trái phiếu được phát hành được phát hành dưới hình thức bút toán ghi sổ, mỗi trái phiếu có mệnh giá 1.000.000.000 đồng (một tỷ đồng). Trái phiếu phát hành lần này được bán cho Công ty Liên doanh Quản lý quỹ đầu tư chứng khoán Vietcombank (500 trái phiếu) và Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Quảng Ninh (60 trái phiếu).

Trái chủ được hưởng lãi kể từ và bao gồm ngày 29 tháng 12 năm 2015 (ngày phát hành) cho đến, nhưng không bao gồm ngày 29 tháng 12 năm 2020 (ngày đáo hạn) và được trả sau 6 tháng một lần vào ngày 29/6 và ngày 29/12 hàng năm, với mức lãi suất áp dụng như sau:

- Lãi suất năm đầu tiên của trái phiếu là 8%/ năm;

TẬP ĐOÀN CÔNG NGHIỆP THAN - KHOÁNG SẢN VIỆT NAM
TỔNG CÔNG TY ĐIỆN LỰC TKV - CTCP

Địa chỉ: Tòa nhà Sannam, đường Duy Tân, phường Dịch Vọng Hậu, Q. Cầu Giấy, TP. Hà Nội

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (Tiếp theo)

Kỳ tài chính bắt đầu từ ngày 01/01/2018 và kết thúc vào ngày 30/06/2018

- Lãi suất các kỳ sau bằng tổng của 2,5%/ năm và trung bình cộng lãi suất tiền gửi tiết kiệm bằng Đồng Việt Nam, trả lãi sau, kỳ hạn 12 tháng áp dụng cho cá nhân được công bố tại các trang web của 04 ngân hàng lớn của Việt Nam, bao gồm: Ngân hàng Thương Mại Cổ phần Ngoại thương Việt Nam, Ngân hàng thương mại Cổ phần Đầu tư và Phát triển Việt nam, Ngân hàng Cổ phần Công thương Việt Nam và Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam tại ngày xác định lãi suất.

TẬP ĐOÀN CÔNG NGHIỆP THAN - KHOÁNG SẢN VIỆT NAM
TỔNG CÔNG TY ĐIỆN LỰC TKV - CTCP

Địa chỉ: Tòa nhà Sannam, đường Duy Tân, phường Dịch Vọng Hậu, Q. Cầu Giấy, TP. Hà Nội

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (Tiếp theo)

Kỳ tài chính bắt đầu từ ngày 01/01/2018 và kết thúc vào ngày 30/06/2018

5.13 Thuế

	01/01/2018 (VND)	Số phải nộp trong kỳ	Số đã thực nộp trong kỳ	30/06/2018 (VND)
Phải nộp				
Thuế giá trị gia tăng	23.768.155.463	150.540.386.881	147.506.052.514	26.802.489.830
Thuế xuất nhập khẩu	-	226.839	226.839	-
Thuế thu nhập doanh nghiệp	-	11.934.687.925	-	11.934.687.925
Thuế thu nhập cá nhân	242.959.193	1.935.933.135	2.055.742.146	123.150.182
Thuế tài nguyên	10.223.460.130	34.006.920.967	36.709.681.643	7.520.699.454
Thuế đất và tiền thuế đất	-	1.008.124.482	806.051.765	202.072.717
Các loại thuế khác	-	2.640.910.065	2.640.910.065	-
Các khoản phí, lệ phí và các khoản phải nộp khác	5.274.953.783	14.230.477.960	13.946.379.098	5.559.052.645
Cộng	39.509.528.569	216.297.668.254	203.665.044.070	52.142.152.753
Phải thu				
Thuế giá trị gia tăng	15.694.324.743	70.157.699.840	55.323.014.545	859.639.448
Thuế thu nhập cá nhân	71.208.317	468.277.958	641.140.015	244.070.374
Thuế thu nhập doanh nghiệp	413.904.592	413.904.592	-	-
Thuế tài nguyên	-	-	-	-
Thuế đất và tiền thuế đất	461.992.255	3.111.219.738	2.649.227.483	26.808.791
Các loại thuế khác	543.574.038	1.149.434.101	632.668.854	19.446.704
Các khoản phí, lệ phí và các khoản phải nộp khác	20.911.200	31.103.496	29.639.000	19.446.704
Cộng	17.205.915.145	75.331.639.725	59.275.689.897	1.149.965.317

TẬP ĐOÀN CÔNG NGHIỆP THAN - KHOÁNG SẢN VIỆT NAM
TỔNG CÔNG TY ĐIỆN LỰC TKV - CTCP

Địa chỉ: Tòa nhà Sannam, đường Duy Tân, phường Dịch Vọng Hậu, Q. Cầu Giấy, TP. Hà Nội

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (Tiếp theo)

Kỳ tài chính bắt đầu từ ngày 01/01/2018 và kết thúc vào ngày 30/06/2018

5.14 Chi phí phải trả

	<u>30/06/2018</u> (VND)	<u>01/01/2018</u> (VND)
Ngắn hạn	585.667.519.607	483.411.066.554
Chi phí lãi vay phải trả	550.850.714.840	459.550.483.799
Lãi chậm trả tiền than	16.232.660.353	13.873.819.607
Chi phí phải trả khác	18.584.144.414	9.986.763.148
Dài hạn	-	-
Cộng	<u>585.667.519.607</u>	<u>483.411.066.554</u>

5.15 Phải trả khác

	<u>30/06/2018</u> (VND)	<u>01/01/2018</u> (VND)
Ngắn hạn	404.245.191.780	20.841.583.099
Thưởng an toàn điện	7.624.066.149	7.689.215.535
Nhà thầu SFECO	4.322.434.076	4.322.434.076
Mô tơ, máy phát nhà thầu Harbin	-	3.296.575.000
Phải trả tiền cổ tức năm 2017	203.668.722.000	-
Tiền phạt chậm tiến độ hợp đồng	183.481.300.473	-
Các khoản khác	5.148.669.082	5.533.358.488
Dài hạn	-	-
Cộng	<u>404.245.191.780</u>	<u>20.841.583.099</u>

TẬP ĐOÀN CÔNG NGHIỆP THAN - KHOÁNG SẢN VIỆT NAM
TỔNG CÔNG TY ĐIỆN LỰC TKV - CTCP

Địa chỉ: Tòa nhà Sannam, đường Duy Tân, phường Dịch Vọng Hậu, Q. Cầu Giấy, TP. Hà Nội

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (Tiếp theo)

Kỳ tài chính bắt đầu từ ngày 01/01/2018 và kết thúc vào ngày 30/06/2018

5.16 Vốn chủ sở hữu

Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu

	Vốn góp của chủ sở hữu VND	Thặng dư vốn cổ phần VND	Chênh lệch đánh giá lại TS VND	Quỹ đầu tư phát triển	Lợi nhuận chưa phân phối	LICD không kiểm soát	Tổng cộng VND
Số dư đầu năm trước	6.800.000.000,000	(3.621.853.512)	(1.848.203.592)	16.947.671.039	(451.405.772.195)	161.055.986.690	6.521.127.828.430
Tăng vốn trong năm trước	-	-	-	-	-	-	-
Tăng khác	-	3.640.600.000	-	60.973.465	-	-	3.701.573.465
Lãi trong năm trước	-	-	-	-	674.100.028.672	(10.138.168.148)	663.961.860.524
Lỗ trong năm trước	-	-	-	-	-	-	-
Giảm khác	-	(2.105.231)	-	-	-	(58.868.234)	(60.973.465)
Số dư cuối năm trước/ đầu kỳ này	6.800.000.000,000	16.641.257	(1.848.203.592)	17.008.644.504	222.694.256.477	150.858.950.308	7.188.730.288.954
Tăng vốn trong kỳ này	-	-	-	-	-	-	-
Tăng khác	-	-	-	3.269.425.647	-	-	3.269.425.647
Lãi trong kỳ này	-	-	-	-	290.125.071.923	(20.927.044.981)	269.198.026.942
Giảm vốn trong kỳ này	-	-	-	-	-	-	-
Lỗ trong kỳ này	-	-	-	-	-	-	-
Giảm khác	-	-	-	-	(222.694.256.477)	-	(222.694.256.477)
Số dư cuối kỳ	6.800.000.000,000	16.641.257	(1.848.203.592)	20.278.070.151	290.125.071.923	129.931.905.327	7.238.503.485.066

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ là một bộ phận không tách rời của Báo cáo tài chính

TẬP ĐOÀN CÔNG NGHIỆP THAN - KHOÁNG SẢN VIỆT NAM
TỔNG CÔNG TY ĐIỆN LỰC TKV - CTCP

Địa chỉ: Tòa nhà Sannam, đường Duy Tân, phường Dịch Vọng Hậu, Q. Cầu Giấy, TP. Hà Nội

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (Tiếp theo)
 Kỳ tài chính bắt đầu từ ngày 01/01/2018 và kết thúc vào ngày 30/06/2018

Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu

	<u>30/06/2018</u> (VND)	<u>01/01/2018</u> (VND)
Vốn của Nhà nước	6.778.085.000.000	6.778.085.000.000
Vốn của đối tượng khác	21.915.000.000	21.915.000.000
Cộng	6.800.000.000.000	6.800.000.000.000

Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, chia lợi nhuận

	<u>Từ 01/01/2018</u> <u>đến 30/06/2018</u> (VND)	<u>Từ 01/01/2017</u> <u>đến 30/06/2017</u> (VND)
Vốn đầu tư của chủ sở hữu		
Vốn đầu kỳ	6.800.000.000.000	6.800.000.000.000
Vốn tăng trong kỳ	-	-
Vốn giảm trong kỳ	-	-
Vốn cuối kỳ	6.800.000.000.000	6.800.000.000.000
Cổ tức, lợi nhuận đã chia	-	-

Cổ phiếu

	<u>30/06/2018</u>	<u>01/01/2018</u>
Số lượng CP đăng ký phát hành	680.000.000	680.000.000
Số lượng CP đã bán ra công chúng	680.000.000	680.000.000
Cổ phiếu phổ thông	680.000.000	680.000.000
Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Số lượng cổ phiếu được mua lại	-	-
Cổ phiếu phổ thông	-	-
Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	680.000.000	680.000.000
Cổ phiếu phổ thông	680.000.000	680.000.000
Cổ phiếu ưu đãi	-	-

TẬP ĐOÀN CÔNG NGHIỆP THAN - KHOÁNG SẢN VIỆT NAM**TỔNG CÔNG TY ĐIỆN LỰC TKV - CTCP**

Địa chỉ: Tòa nhà Sannam, đường Duy Tân, phường Dịch Vọng Hậu, Q. Cầu Giấy, TP. Hà Nội

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (Tiếp theo)

Kỳ tài chính bắt đầu từ ngày 01/01/2018 và kết thúc vào ngày 30/06/2018

6 THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ**6.1 Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ**

	Từ 01/01/2018 đến 30/06/2018 (VND)	Từ 01/01/2017 đến 30/06/2017 (VND)
Tổng doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	5.819.683.992.606	5.563.955.511.647
Doanh thu bán than	83.113.066.110	74.703.809.730
Doanh thu bán điện	5.725.436.783.226	5.447.964.027.546
Doanh thu khác	11.134.143.270	41.287.674.371

6.2 Doanh thu thuần

	Từ 01/01/2018 đến 30/06/2018 (VND)	Từ 01/01/2017 đến 30/06/2017 (VND)
D. thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	5.819.683.992.606	5.563.955.511.647
Doanh thu thuần bán than	83.113.066.110	74.703.809.730
Doanh thu thuần bán điện	5.725.436.783.226	5.447.964.027.546
Doanh thu thuần khác	11.134.143.270	41.287.674.371

6.3 Giá vốn hàng bán

	Từ 01/01/2018 đến 30/06/2018 (VND)	Từ 01/01/2017 đến 30/06/2017 (VND)
Giá vốn than bán	45.988.138.609	43.308.036.064
Giá vốn điện	4.888.332.180.859	4.606.471.679.340
Giá vốn khác	8.784.571.766	17.872.870.841
Cộng	4.943.104.891.234	4.667.652.586.245

6.4 Doanh thu hoạt động tài chính

	Từ 01/01/2018 đến 30/06/2018 (VND)	Từ 01/01/2017 đến 30/06/2017 (VND)
Lãi tiền gửi, tiền cho vay	3.022.602.948	5.775.487.221
Tiền cổ tức và lợi nhuận được chia	12.617.500.000	10.815.000.000
Lãi chênh lệch tỷ giá	35.972.883	19.979.154.800
Doanh thu tài chính khác	-	-
Cộng	15.676.075.831	36.569.642.021

TẬP ĐOÀN CÔNG NGHIỆP THAN - KHOÁNG SẢN VIỆT NAM
TỔNG CÔNG TY ĐIỆN LỰC TKV - CTCP

Địa chỉ: Tòa nhà Sannam, đường Duy Tân, phường Dịch Vọng Hậu, Q. Cầu Giấy, TP. Hà Nội

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (Tiếp theo)

Kỳ tài chính bắt đầu từ ngày 01/01/2018 và kết thúc vào ngày 30/06/2018

6.5 Chi phí hoạt động tài chính

	Từ 01/01/2018 đến 30/06/2018 (VND)	Từ 01/01/2017 đến 30/06/2017 (VND)
Lãi tiền vay	381.186.244.339	443.346.678.680
Chênh lệch tỷ giá	198.019.543.683	141.703.205.680
Chi phí tài chính khác	8.036.882.788	3.701.285.673
Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn	(86.011.435.800)	(20.150.872.242)
Cộng	501.231.235.010	568.600.297.791

6.6 Thu nhập khác

	Từ 01/01/2018 đến 30/06/2018 (VND)	Từ 01/01/2017 đến 30/06/2017 (VND)
Các khoản khác	308.137.201	463.090.310
Cộng	308.137.201	463.090.310

6.7 Chi phí khác

	Từ 01/01/2018 đến 30/06/2018 (VND)	Từ 01/01/2017 đến 30/06/2017 (VND)
Chi phí thanh lý TSCĐ	-	1.455.492.577
Chi phí khác	647.798.514	1.223.066.897
Cộng	647.798.514	2.678.559.474

6.8 Chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp

	Từ 01/01/2018 đến 30/06/2018 (VND)	Từ 01/01/2017 đến 30/06/2017 (VND)
a. Chi phí quản lý doanh nghiệp	99.087.432.193	106.384.104.969
Chi phí nhân viên quản lý	42.403.148.512	59.399.952.994
Chi phí khấu hao	10.814.675.702	9.455.575.310
Dịch vụ mua ngoài	8.953.477.877	4.678.409.753
Các khoản khác	36.916.130.102	32.850.166.912
b. Chi phí bán hàng	1.072.872.327	1.152.171.051
Chi phí nhân viên	385.576.000	232.299.856
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	422.185.018	-
Các khoản khác	265.111.309	919.871.195
c. Các khoản ghi giảm chi phí bán hàng và Chi phí quản lý doanh nghiệp	-	-
Cộng	100.160.304.520	107.536.276.020



TẬP ĐOÀN CÔNG NGHIỆP THAN - KHOÁNG SẢN VIỆT NAM
TỔNG CÔNG TY ĐIỆN LỰC TKV - CTCP

Địa chỉ: Tòa nhà Sannam, đường Duy Tân, phường Dịch Vọng Hậu, Q. Cầu Giấy, TP. Hà Nội

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (Tiếp theo)

Kỳ tài chính bắt đầu từ ngày 01/01/2018 và kết thúc vào ngày 30/06/2018

6.9 Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố

	Từ 01/01/2018 đến 30/06/2018 (VND)	Từ 01/01/2017 đến 30/06/2017 (VND)
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	3.681.652.976.847	3.466.214.956.709
Chi phí nhân công	167.375.043.034	172.630.284.643
Chi phí khấu hao TSCĐ	969.630.437.768	956.972.882.731
Chi phí dịch vụ mua ngoài	105.669.417.324	62.619.985.437
Chi phí khác bằng tiền	124.691.091.013	127.697.043.506
Cộng	5.049.018.965.986	4.786.135.153.026

6.10 Lãi cơ bản trên cổ phiếu

	Từ 01/01/2018 đến 30/06/2018 (VND)
Lợi nhuận kế toán sau thuế TNDN của cổ đông công ty mẹ	290.125.071.923
Các khoản điều chỉnh tăng hoặc giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận hoặc lỗ phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông.	-
Lợi nhuận hoặc lỗ phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông.	-
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong kỳ	680.000.000
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	427

7 NHỮNG THÔNG TIN KHÁC

7.1 Công cụ tài chính

Tổng công ty chịu các rủi ro sau khi sử dụng các công cụ tài chính: rủi ro thị trường, rủi ro tín dụng và rủi ro thanh khoản.

Ban Điều hành chịu trách nhiệm chung đối với việc thiết lập và giám sát nguyên tắc quản lý rủi ro tài chính. Ban Tổng Giám đốc thiết lập các chính sách nhằm phát hiện và phân tích các rủi ro mà Tổng công ty phải chịu, thiết lập các biện pháp kiểm soát rủi ro và các hạn mức rủi ro thích hợp, và giám sát các rủi ro và việc thực hiện các hạn mức rủi ro. Hệ thống và chính sách quản lý rủi ro được xem xét lại định kỳ nhằm phản ánh những thay đổi của các điều kiện thị trường và hoạt động của Tổng công ty.

Ban Tổng Giám đốc xem xét và thống nhất áp dụng các chính sách quản lý cho những rủi ro nói trên như sau:

(i) Rủi ro thị trường

Rủi ro thị trường là rủi ro mà giá trị hợp lý của các luồng tiền trong tương lai của các công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của giá thị trường. Rủi ro thị trường có bốn loại rủi ro: rủi ro lãi suất, rủi ro tiền tệ, rủi ro về giá hàng hóa và rủi ro về giá khác.



TẬP ĐOÀN CÔNG NGHIỆP THAN - KHOÁNG SẢN VIỆT NAM
TỔNG CÔNG TY ĐIỆN LỰC TKV - CTCP

Địa chỉ: Tòa nhà Sannam, đường Duy Tân, phường Dịch Vọng Hậu, Q. Cầu Giấy, TP. Hà Nội

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (Tiếp theo)

Kỳ tài chính bắt đầu từ ngày 01/01/2018 và kết thúc vào ngày 30/06/2018

Rủi ro lãi suất

Rủi ro lãi suất là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của lãi suất thị trường. Rủi ro thị trường do thay đổi lãi suất của Tổng công ty chủ yếu liên quan đến tiền, các khoản tiền gửi ngắn hạn và các khoản vay của Tổng công ty.

Tổng công ty quản lý rủi ro lãi suất bằng cách phân tích tình hình cạnh tranh trên thị trường để có được lãi suất có lợi cho mục đích của Tổng công ty và vẫn nằm trong giới hạn quản lý rủi ro của mình.

Rủi ro ngoại tệ

Rủi ro ngoại tệ là rủi ro mà giá trị hợp lý của các luồng tiền trong tương lai của các công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của tỉ giá hối đoái. Tổng công ty chịu rủi ro do sự thay đổi của tỉ giá hối đoái liên quan trực tiếp đến hoạt động kinh doanh của Tổng công ty.

Tổng công ty có rủi ro tỷ giá hối đoái từ các giao dịch mua, bán bằng đơn vị tiền tệ không phải là đơn vị tiền tệ kế toán của Tổng công ty.

Rủi ro về giá cổ phiếu, trái phiếu

Cổ phiếu do Tổng công ty nắm giữ có thể bị ảnh hưởng bởi các rủi ro về giá trị tương lai của cổ phiếu đầu tư. Tổng công ty đầu tư cổ phiếu vào một số dự án điện nhiệt điện có cùng các rủi ro. Đây là cổ phiếu đầu tư dài hạn và chưa được niêm yết nên Tổng công ty đánh giá mức độ nhạy cảm đối với biến động về giá cổ phiếu này là thấp.

(ii) *Rủi ro tín dụng*

Rủi ro tín dụng là rủi ro mà một bên tham gia trong một công cụ tài chính hoặc hợp đồng giao dịch không thực hiện được nghĩa vụ của mình, dẫn đến tổn thất về tài chính. Tổng công ty có rủi ro tín dụng từ các hoạt động kinh doanh của mình (chủ yếu đối với tài khoản phải thu khách hàng), và từ hoạt động tài chính của mình, bao gồm tiền gửi ngân hàng, các khoản cho vay và các công cụ tài chính khác.

Phải thu khách hàng

Tổng công ty thường xuyên theo dõi các khoản phải thu khách hàng chưa thu được. Đối với các khách hàng lớn, Tổng công ty xem xét sự suy giảm trong chất lượng tín dụng của từng khách hàng tại ngày lập báo cáo. Tổng công ty tìm cách duy trì sự kiểm soát chặt chẽ các khoản phải thu tồn đọng và bố trí nhân sự kiểm soát tín dụng để giảm thiểu rủi ro tín dụng.

Tổng công ty sẽ lập dự phòng giảm giá trị để phản ánh mức độ thiệt hại ước tính đối với phải thu khách hàng, phải thu khác và các khoản đầu tư. Thành phần chính của khoản dự phòng giảm giá trị này là khoản lỗ cụ thể có liên quan đến mức độ thiệt hại cụ thể đối với từng khách hàng.

Tiền gửi ngân hàng

Tổng công ty chủ yếu duy trì số dư tiền gửi tại các ngân hàng được nhiều người biết đến tại Việt Nam. Rủi ro tín dụng của số dư tiền gửi tại các ngân hàng được quản lý



TẬP ĐOÀN CÔNG NGHIỆP THAN - KHOÁNG SẢN VIỆT NAM
TỔNG CÔNG TY ĐIỆN LỰC TKV - CTCP

Địa chỉ: Tòa nhà Sannam, đường Duy Tân, phường Dịch Vọng Hậu, Q. Cầu Giấy, TP. Hà Nội

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (Tiếp theo)

Kỳ tài chính bắt đầu từ ngày 01/01/2018 và kết thúc vào ngày 30/06/2018

bởi bộ phận ngân quỹ của Tổng công ty theo chính sách của Tổng công ty. Rủi ro tín dụng tối đa của Tổng công ty đối với các khoản mục trên bản cân đối kế toán tại ngày kết thúc năm tài chính là giá trị ghi sổ như trình bày trong Thuyết minh số 5.1. Tổng công ty nhận thấy mức độ tập trung rủi ro tín dụng đối với khoản tiền gửi ngân hàng là thấp.

(iii) Rủi ro thanh khoản

Rủi ro thanh khoản là rủi ro mà Tổng công ty sẽ gặp khó khăn khi thực hiện các nghĩa vụ tài chính do thiếu vốn. Rủi ro thanh khoản của Tổng công ty chủ yếu phát sinh từ việc các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính có thời điểm đáo hạn khác biệt nhau.

Tổng công ty giảm thiểu rủi ro thanh khoản bằng cách duy trì một lượng tiền mặt và các khoản tương đương tiền và các khoản vay ngân hàng ở mức mà Ban Tổng Giám đốc cho rằng đủ để đáp ứng cho các hoạt động của Tổng công ty và giảm thiểu rủi ro do những biến động của luồng tiền.

Bảng dưới đây phân tích đối với tài sản tài chính và các khoản nợ tài chính phi phái sinh vào các nhóm đáo hạn có liên quan dựa trên kỳ hạn còn lại từ ngày lập bảng cân đối kế toán đến ngày đáo hạn theo hợp đồng. Các số tiền được trình bày trong bảng sau là các luồng tiền theo hợp đồng không chiết khấu. Việc trình bày thông tin tài sản tài chính phi phái sinh là cần thiết để hiểu được việc quản lý rủi ro thanh khoản của Tổng công ty khi tính thanh khoản được quản lý trên cơ sở công nợ và tài sản thuần.



TẬP ĐOÀN CÔNG NGHIỆP THAN - KHOÁNG SẢN VIỆT NAM
TỔNG CÔNG TY ĐIỆN LỰC TKV - CTCP

Địa chỉ: Tòa nhà Samnam, đường Duy Tân, phường Dịch Vọng Hậu, Q. Cầu Giấy, TP. Hà Nội

BÀN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (Tiếp theo)
Kỳ tài chính bắt đầu từ ngày 01/01/2018 và kết thúc vào ngày 30/06/2018

	Dưới 1 năm	Từ 1 năm trở lên	Tổng cộng
Ngày 30/06/2018			
Giá trị ghi sổ:			
Tiền và các khoản tương đương tiền	362.062.872.092	-	362.062.872.092
Phải thu khách hàng	2.588.983.989.696	-	2.588.983.989.696
Đầu tư	-	1.156.056.281.399	1.156.056.281.399
Phải thu khác	25.127.193.148	8.361.053.378	33.488.246.526
Tài sản tài chính khác	-	-	-
Trừ:			
Dự phòng phải thu khó đòi	(5.537.914.899)	-	(5.537.914.899)
Dự phòng giảm giá các khoản đầu tư	-	-	-
Tổng cộng	2.970.636.140.037	1.164.417.334.777	4.135.053.474.814
Ngày 30/06/2018			
Các khoản vay và nợ	3.272.808.056.924	10.334.105.272.883	13.606.913.329.807
Phải trả người bán	2.317.428.726.757	395.419.285.868	2.657.848.012.625
Phải trả, PN khác và chi phí phải trả	1.092.543.104.059	-	944.200.554.059
Tổng cộng	6.682.779.887.740	10.729.524.558.751	17.412.304.446.491
Chênh lệch thanh khoản thuần	(3.712.143.747.703)	(9.565.107.223.974)	(13.277.250.971.677)

TẬP ĐOÀN CÔNG NGHIỆP THAN - KHOÁNG SẢN VIỆT NAM
TỔNG CÔNG TY ĐIỆN LỰC TKV - CTCP

Địa chỉ: Tòa nhà Sannam, đường Duy Tân, phường Dịch Vọng Hậu, Q. Cầu Giấy, TP. Hà Nội

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (Tiếp theo)
 Kỳ tài chính bắt đầu từ ngày 01/01/2018 và kết thúc vào ngày 30/06/2018

	Dưới 1 năm	Từ 1 năm trở lên	Tổng cộng
Ngày 01/01/2018	-	-	-
Giá trị ghi sổ:	-	-	-
Tiền và các khoản tương đương tiền	103.747.498.151	-	103.747.498.151
Phải thu khách hàng	2.277.995.125.129	-	2.277.995.125.129
Đầu tư	-	1.096.124.960.279	1.096.124.960.279
Phải thu khác	26.105.436.708	7.654.741.378	33.760.178.086
Tài sản tài chính khác	-	-	-
Trừ:			
Dự phòng phải thu khó đòi	(5.538.720.651)	-	(5.538.720.651)
Dự phòng giảm giá các khoản đầu tư	-	(86.011.435.800)	(86.011.435.800)
Tổng cộng	2.402.309.339.337	1.017.768.265.857	3.420.077.605.194
Ngày 01/01/2018			
Các khoản vay và nợ	3.152.519.302.067	11.508.498.888.780	14.661.018.190.847
Phải trả người bán	1.891.589.783.679	625.431.237.752	2.517.021.021.431
Phải trả, PN khác và chi phí phải trả	640.301.283.444	-	640.301.283.444
Tổng cộng	5.684.410.369.190	12.133.930.126.532	17.818.340.495.722
Chênh lệch thanh khoản thuần	(3.282.101.029.853)	(11.116.161.860.675)	(14.398.262.890.528)

Tổng công ty cho rằng mức độ tập trung rủi ro đối với việc trả nợ là thấp. Tổng công ty có đủ khả năng tiếp cận các nguồn vốn cần thiết.

phải trả khác là gần

rp lý

01/01/2018

2.272.456.404.478
33.760.178.086

103.747.498.151
2.409.964.080.715

7 14.661.018.190.847
5 2.517.021.021.431
59 640.301.283.444
91 17.818.340.495.722

o ngày 30/06/2018 và ngày
/ không có chênh lệch trọng

TẬP ĐOÀN CÔNG NGHIỆP THAN - KHOÁNG SẢN VIỆT NAM
TỔNG CÔNG TY ĐIỆN LỰC TKV - CTCP

Địa chỉ: Tòa nhà Sannam, đường Duy Tân, phường Dịch Vọng Hậu, Q. Cầu Giấy, TP. Hà Nội

BÀN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (Tiếp theo)

Kỳ tài chính bắt đầu từ ngày 01/01/2018 và kết thúc vào ngày 30/06/2018

7.2 Báo cáo bộ phận

Tổng công ty báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh theo các lĩnh vực hoạt động, bao gồm: Doanh thu than, Doanh thu điện và Doanh thu khác. Chi tiết kết quả hoạt động kinh doanh theo từng ngành nghề như sau:

	Than VND	Điện VND	Khác VND	Tổng cộng VND
<u>Từ ngày 01/01/2017 đến ngày 30/06/2017</u>				
Doanh thu	74.703.809.730	5.447.964.027.546	41.287.674.371	5.563.955.511.647
Các khoản giảm trừ	-	-	-	-
Giá vốn hàng bán	43.308.036.064	4.606.632.875.362	17.711.674.819	4.667.652.586.245
Lợi nhuận gộp	31.395.773.666	841.331.152.184	23.575.999.552	896.302.925.402
<u>Từ ngày 01/01/2018 đến ngày 30/06/2018</u>				
Doanh thu	83.113.066.110	5.725.436.783.226	11.134.143.270	5.819.683.992.606
Các khoản giảm trừ	-	-	-	-
Giá vốn hàng bán	45.988.138.609	4.888.332.180.859	8.784.571.766	4.943.104.891.234
Lợi nhuận gộp	37.124.927.501	837.104.602.367	2.349.571.504	876.579.101.372

Báo cáo bộ phận theo khu vực địa lý (báo cáo thứ yếu): Báo cáo bộ phận theo khu vực địa lý dựa trên vị trí của khách hàng tạo ra doanh thu cho bộ phận. Trong kỳ tài chính bắt đầu từ ngày 01/01/2018 và kết thúc vào ngày 30/06/2018, hoạt động sản xuất kinh doanh của Tổng công ty chỉ phát sinh tại khu vực nội địa nên Tổng công ty không lập Báo cáo bộ phận thứ yếu (theo khu vực địa lý).

TẬP ĐOÀN CÔNG NGHIỆP THAN - KHOÁNG SẢN VIỆT NAM

TỔNG CÔNG TY ĐIỆN LỰC TKV - CTCP

Địa chỉ: Tòa nhà Sannam, đường Duy Tân, phường Dịch Vọng Hậu, Q. Cầu Giấy, TP. Hà Nội

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (Tiếp theo)

Kỳ tài chính bắt đầu từ ngày 01/01/2018 và kết thúc vào ngày 30/06/2018

7.3 Giao dịch và số dư với các bên có liên quan

Số dư tại ngày 30/06/2018 và các giao dịch chủ yếu với các bên liên quan trong kỳ tài chính bắt đầu từ ngày 01/01/2018 và kết thúc vào ngày 30/06/2018 được thể hiện tại các phụ biểu đính kèm, cụ thể như sau:

- Phụ biểu 01: Báo cáo vật tư, hàng hóa, dịch vụ mua, bán với các bên liên quan.
- Phụ biểu 02: Báo cáo các khoản phải thu, phải trả với các bên liên quan.

Thu nhập trong kỳ tài chính được bắt đầu từ ngày 01/01/2018 và kết thúc vào ngày 30/06/2018 của các thành viên của HĐQT và Ban Giám đốc:

	Từ 01/01/2018 đến 30/06/2018 (VND)
Lương thưởng của Ban Giám đốc	2.109.916.528
Thù lao của Hội đồng Quản trị	642.200.000
Cộng	2.752.116.528

7.4 Sự kiện quan trọng phát sinh sau niên độ

Đến ngày lập báo cáo này, Ban Tổng Giám đốc Tổng công ty cho rằng không có sự kiện nào khác có thể làm cho các số liệu và thông tin đã được trình bày trong Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ đã được soát xét bị phản ánh sai lệch

7.5 Thông tin so sánh

Số liệu dùng để so sánh các chỉ tiêu trên Bảng cân đối kế toán hợp nhất giữa niên độ là số liệu trên Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31/12/2017 đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH PKF Việt Nam.

Số liệu dùng để so sánh trên Báo cáo kết quả kinh doanh hợp nhất giữa niên độ và Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất giữa niên độ là số liệu trên Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ tài chính bắt đầu từ ngày 01/01/2017 và kết thúc vào ngày 30/06/2017 đã được soát xét bởi Công ty TNHH PKF Việt Nam.

Hà Nội, ngày 27 tháng 08 năm 2018

NGƯỜI LẬP BIỂU

Lưu Thị Thu Hà

KẾ TOÁN TRƯỞNG

Nguyễn Thị Hà

TỔNG GIÁM ĐỐC



Ngô Trí Thịnh

TỔNG CÔNG TY ĐIỆN LỰC TKV - CTCP

Địa chỉ: Tòa nhà Sannam, đường Duy Tân, phường Dịch Vọng Hậu, Q. Cầu Giấy, TP. Hà Nội

TỔNG HỢP MUA BÁN VẬT TƯ, HÀNG HOÁ, DỊCH VỤ MUA BÁN VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN

Kỳ tài chính bắt đầu từ ngày 01/01/2018 và kết thúc vào ngày 30/06/2018

ĐVT: VND

TT	Tên đơn vị	Giá trị mua trong kỳ		Giá trị bán trong kỳ	
		Nội dung	Giá trị	Nội dung	Giá trị
A	B	1	2	3	4
1	Bệnh viện Than - Khoáng sản	Khám sức khỏe	196.329.700		
2	Công ty Công nghiệp hóa chất mỏ Cẩm Phả	Mua vật tư	50.339.036		
3	Công ty Công nghiệp hóa chất mỏ Trung Bộ	Mua thuốc nổ	2.535.523.840		
4	Công ty CP công nghiệp ô tô - Vinacomin	Mua vật tư, dịch vụ	465.593.963		
5	Công ty CP Phát triển Công nghệ và Thiết bị mỏ	Mua vật tư	65.623.736		
6	Công ty CP Vận tải và đưa đón thợ mỏ - Vinacomin	Mua dịch vụ	5.984.000		
7	Công ty CP vật tư - TKV	Mua dầu, mỡ	32.790.379.277	Bán điện	571.023
8	Công ty CP VLXD và kinh doanh tổng hợp - VVMI	Mua đá vôi	7.260.554.250		
9	Công ty CP Xi măng Quán Triều - VVMI			Bán điện	181.054.929
10	Công ty CP Xuất nhập khẩu than - Vinacomin	Mua vật tư	1.922.800.000		
11	Công ty Kho vận và cảng Cẩm Phả - Vinacomin	Mua than, dịch vụ khác	1.911.099.294.837	Bán than	83.113.066.110
12	Công ty than Na Dương - VVMI	Mua nước sinh hoạt	7.550.000	Bán điện	121.521.582
13	Công ty than Núi Hồng - VVMI			Bán điện	300.193.535
14	Công ty TNHH MTV môi trường - TKV	Mua vật tư, hàng hóa, dịch vụ	97.846.100	Bán dầu thải	62.567.630
15	Tập đoàn CN than khoáng sản Việt Nam		-	Bán dịch vụ	600.000.000
16	Tổng công ty công nghiệp hóa chất mỏ - Vinacomin	Mua hoá chất	2.499.885.590		
17	Trường cao đẳng nghề than - khoáng sản Việt Nam	Mua dịch vụ	49.258.000		
18	Trường quản trị kinh doanh - Vinacomin	Mua dịch vụ	67.637.500		
19	Viện cơ khí năng lượng và mỏ - Vinacomin	Mua dịch vụ, vật tư	1.968.630.318		
20	Trung tâm Y tế than khu vực Mạo Khê	Khám sức khỏe	93.721.000		
21	Công ty Kho vận Đá bạc - Vinacomin	Mua than	1.104.976.035.715		
	Cộng		3.066.152.986.862		84.378.974.809

Hà Nội, ngày 27 tháng 08 năm 2018

NGƯỜI LẬP BIỂU

KẾ TOÁN TRƯỞNG

TỔNG GIÁM ĐỐC



Lưu Thị Thu Hà

Nguyễn Thị Hà

Ngô Trí Thịnh

TẬP ĐOÀN CÔNG NGHIỆP THAN - KHOÁNG SẢN VIỆT NAM

TỔNG CÔNG TY ĐIỆN LỰC TKV - CTCP

Địa chỉ: Tòa nhà Sannam, đường Duy Tân, phường Dịch Vọng Hậu, Q. Cầu Giấy, TP. Hà Nội

Phụ biểu 02

BÁO CÁO CÁC KHOẢN PHẢI THU, PHẢI TRẢ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN

Ngày 30 tháng 06 năm 2018

Đơn vị: VND

TT	Tên đơn vị	Công nợ							
		131	138	331	335	336	338	341	
A	NỢ PHẢI THU	1		2	6				8
I	CÁC KHOẢN NỢ NGÂN HẠN	43.253.611.922	42.250.000.000	20.166.851	-	-	-	-	-
1	Công ty Kho vận và Cảng Cẩm Phả - Vinacomin	42.434.916.151	-	20.166.851	-	-	-	-	-
2	Tập đoàn CN Than - Khoáng sản Việt Nam	660.000.000	40.000.000.000	-	-	-	-	-	-
4	Công ty CP Dầu tự và Xây dựng - VVMI	-	1.000.000.000	-	-	-	-	-	-
5	Công ty Than Núi Hồng - VVMI	100.022.566	-	-	-	-	-	-	-
6	Công ty CP xi măng Quán Trâu - VVMI	58.673.205	-	-	-	-	-	-	-
7	Công ty TNHH TTV Môi trường - TKV	-	1.250.000.000	-	-	-	-	-	-
II	CÁC KHOẢN NỢ DÀI HẠN	-	-	-	-	-	-	-	-
	CÔNG	43.253.611.922	42.250.000.000	20.166.851	-	-	-	-	-
B	NỢ PHẢI TRẢ								
I	CÁC KHOẢN NỢ NGÂN HẠN	-	-	1.281.624.320.956	4.761.751.642	4.536.678.343	203.465.550.000	-	-
1	Công ty Kho vận và Cảng Cẩm Phả - Vinacomin	-	-	1.172.305.088.665	-	-	-	-	-
2	Công ty CP Xuất nhập khẩu Than - Vinacomin	-	-	1.538.240.000	-	-	-	-	-
3	Công ty CP Du lịch và TM Vinacomin	-	-	46.600.000	-	-	-	-	-
4	Công ty TNHH một thành viên Địa chất Việt Bắc - Vinacomin	-	-	43.758.649	-	-	-	-	-
5	Công Ty CP Địa Chất và khoáng Sản-Vinacomin	-	-	129.706.795	-	-	-	-	-
6	Công ty CP công nghiệp ô tô - Vinacomin	-	-	783.855.545	139.574.706	-	-	-	-
7	Viện cơ khí năng lượng và mỏ - Vinacomin	-	-	1.531.265.733	-	-	-	-	-
8	Công ty CP cơ điện Uông Bí - Vinacomin	-	-	-	53.251.000	-	-	-	-
9	Công ty CP Vật tư - TKV	-	-	19.668.605.298	-	-	-	-	-
10	Công ty CP Sản xuất và Kinh doanh vật tư thiết bị - VVMI	-	-	4.153.765	-	-	-	-	-
11	Viện Khoa học Công nghệ mỏ - Vinacomin	-	-	581.812.000	-	-	-	-	-

TẬP ĐOÀN CÔNG NGHIỆP THAN - KHOÁNG SẢN VIỆT NAM

TỔNG CÔNG TY ĐIỆN LỰC TKV - CTCP

Địa chỉ: Tòa nhà Sannam, đường Duy Tân, phường Dịch Vọng Hậu, Q. Cầu Giấy, TP. Hà Nội

Phụ biểu 02

BÁO CÁO CÁC KHOẢN PHẢI THU, PHẢI TRẢ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN

Ngày 30 tháng 06 năm 2018

Đơn vị: VND

TT	Tên đơn vị	Công nợ							
		131	138	331	335	336	338	341	8
A	B	1	2	3	4	5	6	7	8
12	Công ty CP tin học, công nghệ, môi trường - Vina	-	-	163.500.000	-	-	-	-	-
13	CTCP Cơ khí mỏ Việt Bắc - VVMI	-	-	21.778.593	-	-	-	-	-
14	Công ty CP Chế tạo máy - Vinacomim	-	-	628.215	-	-	-	-	-
15	Công ty CP Cơ khí Mạo Khê - Vinacomim	-	-	30.312.620	-	-	-	-	-
16	Công ty kho vận đá bạc - Vinacomim	-	-	81.931.856.659	-	-	-	-	-
17	Công ty than Na Dương - VVMI	-	-	82.922.448	-	-	-	-	-
18	Trường Cao đẳng Than - Khoáng sản Việt Nam	-	-	83.236.000	-	-	-	-	-
19	Công ty CP VLXD và kinh doanh tổng hợp - VVMI	-	-	1.455.342.900	-	-	-	-	-
20	Tổng công ty CN hóa chất mỏ	-	-	427.304.546	-	-	-	-	-
21	Tập đoàn CN Than - Khoáng sản Việt Nam	-	-	-	4.568.925.936	4.536.678.343	203.465.550.000	-	-
22	Công ty Tư vấn Quản lý dự án - Vinacomim	-	-	794.352.525	-	-	-	-	-
II CÁC KHOẢN NỢ DÀI HẠN		-	-	-	-	-	-	-	-
1	Tập đoàn CN Than - Khoáng sản Việt Nam	-	-	-	-	-	-	-	-
CỘNG		-	-	1.281.624.320.956	-	4.761.751.642	4.536.678.343	203.465.550.000	6.984.345.360.248

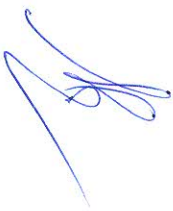
NGƯỜI LẬP BIỂU

KẾ TOÁN TRƯỞNG

Hà Nội, ngày 27 tháng 08 năm 2018

TỔNG GIÁM ĐỐC





Lưu Thị Thu Hà

Nguyễn Thị Hà



Ngô Trí Thịnh